BnF Gallica

Bo vo : tiêu thuyêt / Nguyên Công Hoan

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

Nguyêñ, Công Hoan (1903-1977). Auteur du texte. Bo vo : tiêu thuyêt / Nguyên Công Hoan. 1944.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter **utilisation.commerciale@bnf.fr**.

NGUYỄN-CÔNG-HOAN

CFPI
A° 30.00

BỒ VỒ

TIỂU - THUYẾT

15e
Indochi
1736

1944
NHÀ XUẤT-BẢN ĐỜI MỚI
HANOI

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Imprimerie
Viêt-Bắc
16, Bd Gallieni
Thái-Nguyên
Tirage limité à 1000 ex.

BỘ VỐ

Permis d'imprimer n° 255 en date
du 4-7-44 délivré par le Service
local de l'I. P. P. du Tonkin

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

Truyện ngắn :

Kép Tư Bền
Kiếp hồng nhan
Hai thằng khốn nạn
Người vợ lẽ bạn tôi
Đào kép mới
Sóng vũ-môn
Ông chủ báo

Truyện dài :

Cô iáo Minh
Lá ngọc cành vàng
Tắt lửa lòng
Tơ vương
Bước đường cùng (bị cấm)
Nợ nần
Tay trắng trắng tay
Chiếc nhẫn vàng
Trên đường sự nghiệp
Thanh đạm
Nghịch cảnh
Lệ Dung
Tấm lòng vàng
Danh tiết
Cô làm công

NGUYỄN-CÔNG-HOAN

BIBLIOTHÈQUE
INDOCHINOISE
N° 3000

BỒ VỠ

TIỂU-THUYẾT

16°
Indochine
-1796

1944

NHÀ XUẤT BẢN ĐỜI MỚI
62, *Phố Hàng Cót — Hà-Nội*

X30

I

Những sự bí mật ở miếu Âm-hồn

ĐẦU cánh đồng làng Nội, có một bãi tha ma rộng. Cạnh bãi tha ma là cái miếu Âm-hồn, âm thầm dưới đám cây um tùm, rậm rạp, cứ từ chập tối trở đi, không ai dám qua lại ngay đường sát chỗ đó, Người ta theo lối vùng quanh, tuy phải đi dài hơn, nhưng đỡ giợn. Bởi vì người ta bảo miếu ấy rất thiêng. Thường đêm đêm, nhất là những đêm không trăng, thì trong chốn hiu quạnh đó hiện ra lắm vẻ rất hãi hùng. Dưới vòm lá dầy trong cảnh tối đen, lạnh lẽo ấy, thỉnh thoảng có tiếng thở

dài, tiếng rên rỉ, tiếng khóc than của các âm hồn, làm cho những chiếc lá lìa cành, như cảm nỗi bơ vơ, sột soạt rơi xuống đất, lăn đi mấy vòng và im lặng. Rồi một con cú run rẩy rúc lên thật dài, đưa giọng não nùng, là là bay theo gió, lọt vào khe của các nhà, thì đàn bà ôm chặt lấy con, đàn ông đằng hắng mấy tiếng.

Lúc ấy, người ta đoán các âm hồn hiện về, hiện thành những người đàn bà mặc quần áo trắng lôm lốp, đầu tóc rũ rợi, mặt mũi hốc hác, mắt xanh lè, lưỡi thè dài như quả nục-nác, người thì đánh đu từ cành nọ sang cành kia, người thì nhẹ nhàng đi chập chờn trên ngọn cỏ, ra bãi tha ma, đến các mả mới, hú lên mấy tiếng gọi nhau, rồi biến vào trong quan tài, khoét mắt và móc óc người chết...

Đêm hôm ấy cũng không trăng. Mõ cầm canh trong xóm đã điểm năm lần, ỏe lả và thưa thớt. Tre bên

rặng kẽo kẹt cọ vào nhau như người nghiến răng.

Tiếng rật rã của chẫu - chuộc, tiếng tỉ tỉ của giun dế, tiếng đều đều của các côn trùng không tên, nổi lên một thứ âm nhạc oán hờn, thảm đạm, không biết đến tự bao giờ, và không biết đến bao giờ mới ngớt. Chung quanh, trên dưới, thăm thẳm một màu đen.

Bỗng, ở chỗ lối rẽ cạnh gốc cây gần miếu, lù lù một cái bóng người. Cái bóng ấy thong thả tiến đến góc tường thì ngồi xuống, đặt ở dưới đất một vật gì trắng• phau phau Rồi độ dăm phút, có tiếng nặng nề của gót chân giẫm lên đất, thì cái bóng đen ấy đứng dậy, và vụt một cái, lần vào trong bóng tối, rồi biến mất...

Tiếng gót chân rõ dần, tiếng thở hạch to dần, tự nhiên lại có một cái bóng nữa, to hơn bóng trước, đi đến miếu. Cái bóng ấy tiến thẳng vào trong miếu. Một lát, trong

chốn âm khí lạnh lẽo, lập lòe đầu ngọn hương chiếu rõ vào mặt một người đàn ông, lờ đờ đôi mắt rất kính cẩn. Hương tỏa một hơi ngát thiêng liêng. Người đàn ông để ngay ngắn lại cái gói trên bệ, rồi thụp xuống lễ bốn lễ và xuýt xoa khấn một hồi lâu.

Rồi đó, chiếc lá rụng chạm vào cành, chim cú rúc một hồi giọn tóc gáy và lạch bạch vỗ cánh bay từ cây nọ sang cây kia. Trong xóm, một con chó sủa một hồi liền liền. Rồi hai ba con nữa cũng sủa theo, rồi tựa như cái tiếng có chân đi, từ từ chuyển tự chỗ gần đến chỗ xa vô tận. Người đàn ông ôm cái gói đặt xuống đất, cầm cán cuốc giơ thẳng lên trời, giáng xuống hai, ba lượt. Cái gói ấy không rắn, nên không có tiếng kêu to. Đoạn, người ấy đứng ngay ngắn, chắp tay và lễ bốn lễ nữa, đoạn thong thả đi ra, giật lùi từng bước một.

Bỗng nhoe nhoe có tiếng như trẻ con khóc. Người ấy dừng phắt lại,

đứng yên. Vẫn những tiếng nhoe nhoe. Quả là trẻ con khóc. Người ấy quay lại nhìn cái bọc trong miếu, rồi lách khe hai bức giại, vùn vụt đến chỗ góc tường, và lại đứng sững. Một lát, người ấy khom khom, đi thật thong thả, rồi ngồi thụp xuống đất. Tiếng trẻ con vẫn khóc ra rả. Trong chớp mắt, ở chỗ ấy, một cái bóng nhu ẩn nhu hiện biến trong đám tối đen mịt mù.

Tiếng trẻ khóc cũng xa dần, lẫn vào làn không khi tịch mịch...

Cảnh vật lại huyền bí vắng vẻ như cũ.

Chó vẫn sủa ran...

Gà lanh lảnh gáy...

Phía chân trời đằng đông, một vệt trắng lờ mờ...

Vụt một cái, một tia sáng lòe chói mắt ở đằng xóm đưa lại, rồi mất, rồi lại lòe, rồi lại mất.

Trên cây, mấy con chim xào xạc bay, đụng cánh vào cành. Lá lác đác rụng. Tia sáng lóe lại hiện ra, đưa đi đưa lại, như muốn quét cho

sạch bóng tối. Rồi tia sáng biến mất.

Một cái bóng đen đen lại tiến đến phía bãi tha ma. Cái bóng người đi quanh co lập lòe chiếu xuống đất những tia chói lọi, rồi tiến thẳng tới trước cửa miếu thì đứng dừng lại.

Một tiếng há! Hai tiếng hự! Rồi có tiếng nói khàn khàn:

— Tôi đây, đưa cho tôi mau lên!

Nhưng chẳng có một tiếng động trả lời. Bỗng tia sáng lại bật lên, cái bóng người đi chung quanh miếu, rồi đến các gốc cây.

— Tôi đây, đưa cho tôi mau lên!

Cũng vẫn chẳng có một tiếng động trả lời. Một lát, tia sáng chiếu thẳng vào trong miếu, độ vài giây đồng hồ, rồi cái bóng người theo vào chỗ thờ phụng.

Mùi hương vẫn còn thoang thoảng vẻ thiêng liêng...

Cái bóng người ngồi thụp xuống đất trước bệ, cạnh cái gói. Năm đầu ngón tay nhẹ nhàng mở bọc, tia lửa lòe lên, một tiếng rú kinh hồn. Dưới ánh sáng,

biện ra cái xác đứa bé con mới đẻ độ vài hôm, ngực thì nát bét, mặt thì đen như mực.

Nhờ ánh sáng đó, nét mặt sợ hãi của người kia cũng rõ rệt. Người ấy có vẻ thất vọng, thở dài, lắc đầu, đăm đăm nhìn cái thây hài nhi. Rồi độ một phút, người ấy chiếu đèn vào chân nó, đưa tay sờ từng ngón. Đoạn, nhổ vào trán nó, lấy vạt áo kỳ thật mạnh cho sạch vết đen, rồi áp mặt vào để nhìn.

Xong đâu đấy, người ấy thong thả bọc kỹ lại tử-thi, rồi đứng dậy, cúi đầu đi ra. Trong khoảnh khắc, cái bóng đen lần vào trong tối.

Miếu Âm-hồn lại âm thầm dưới đám cây um tùm, rậm rạp.

Gà thi nhau gáy dồn...

Chó sủa thưa...

Phía trời đông, vệt trắng rộng và rõ hơn, đã lộ được một vài đám mây đen như vết mực tầu loang ố trên tờ giấy mầu tro xậm...

II

Một đoạn đời

Mỗi khi tan học, học trò sắp hàng đi đến ngã tư ở đầu trường thì tản nát mỗi người một nơi, ai về nhà nấy. Nhưng dù có dở câu chuyện với các các bạn, thằng Sửu cũng phải dừng lại chờ thằng Đa là em nó đến sau, vì học lớp đồng-ấu. Bao giờ nó cũng phải đi kèm em nó, dù em nó chỉ kém nó có một tuổi.

Trông thằng Sửu với thằng Đa, thì người không biết, không thể đoán được đứa nào là anh, đứa nào là em. Thực vậy, thằng Sửu thì gầy gò, bé loắt choắt. Trên đầu nó, tóc chỉ mọc lơ thơ. Nước

da nó bao giờ cũng xanh bủng. Vì vậy, mặt nó lúc nào cũng có dáng buồn rười rượi. Trái lại, em nó thì đỏ đắn, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Bề ngang to hơn thằng Sửu, mà bề cao xấp-xỉ ngang nhau.

Khi thằng Đa gặp thằng Sửu, thì nó đưa cặp sách cho anh cắp, rồi hai tay chắp đằng sau, tung tăng đi, nếu không dùng mồm để ăn nốt mẩu quà mua từ giờ ra chơi, thì cũng cãi cọ với bạn, sừng sộ gạ đánh nhau, vì nó cậy có anh nó bênh vực. Nhưng nếu chẳng may hôm nào miệng nó vô dụng thì nó lại trêu anh nó. Nó giẫm guốc chân phải thằng Sửu, hoặc chờ lúc thằng Sửu lơ đễnh, nó hất tay mạnh cho hai cặp sách rơi xuống đường, để nó ưỡn ngực ra cười khanh khách.

Thằng Sửu thường chịu cho em nó trêu ghẹo như thế luôn, không hề giận hay mắng bao giờ. Nhưng thằng Đa, thấy anh hiền lành không nói gì, thì càng trêu ghẹo dai.

Thấy thằng em hay bắt nạt thằng

anh, các ngài bẩn lấy làm ngạc nhiên. Song thực ra, sự ấy chẳng có gì là lạ. Bởi vì cha mẹ chúng nó, ông bà cả Bách, yêu thằng Đa hơn thằng Sửu. Mà sở dĩ có sự ăn ở không công bằng ấy là do một lẽ công bằng giản dị:

Thằng Sửu là con nuôi, thằng Đa mới là con đẻ.

Nguyên mười hai năm về trước, ông bà cả Bách còn hiếm hoi, cho nên hai người rất tin sự lễ bái, bói toán. Không năm nào là đôi vợ chồng ấy không vào chùa Hương cầu tự. Không tháng nào là đôi vợ chồng ấy không mất mấy chục đồng bạc thuốc bổ. Rồi sau, có người mách ở Ô-Chợ-Dừa có thầy bói rất hay, ông bà cả Bách liền tìm đến để nhờ thầy xem cho một quẻ. Thầy bói bảo số ông bà phải nuôi con nuôi thì sẽ sinh nở như thường, vì vậy, nhân ngày ấy trời làm đói kém, ông bà cả Bách mới mua thằng bé con, con nhà cu Sang, một người nghèo ở cùng tổng. Thằng bé con đó, ông bà đặt tên cho là thằng

Sửu, vì mua nó vào năm Sửu.

Thằng Sửu độ ấy đã biết ngồi. Vì là con nhà khó, nên nó gầy gò, mốc meo, mắt lõm và bụng ỏng. Nó lại thiếu ngón út ở chân phải.

Được ông bà cả nuôi nấng trông nom tử tế, thằng Sửu dần dần có da có thịt, nhưng vì ngay từ thuở lọt lòng, nó đã chịu đói khát, nên nó cứ sắt lại không lớn được.

Từ hôm trong nhà ông bà cả Bách có tiếng trẻ con khóc, thì đã dỡ hiu quạnh. Cho nên ông bà lấy thằng Sửu làm vui, rất âu yếm và chăm chút nó.

Rồi quả nhiên năm sau, bà cả Bách có mang và sinh một đứa con trai. Ông cả Bách lấm chữ nghĩa, bèn đặt tên con là Đa, ý muốn chúc cho mình đa đinh. Mà rồi ông đa đinh thực, hiện nay ông đã ba trai, một gái, đứa nào cũng khôi ngô, nhưng chỉ phải cái học dốt.

Thằng Đa lúc bắt đầu học *a bê sê* đã làm ông phải bực mình lắm. Đánh thế nào thì đánh, không bao giờ nó thuộc mặt chữ *a* viết thế nào. Bảo viết chữ *a*

thì nó đứng lì ra, rồi khóc.

Dỗ ngon, dỗ ngọt, nào những học xong *a, bê, sê,* thì được bổ làm quan, nào những viết được chữ *a,* thì thầy cưới cho con vợ đẹp, thằng Đa cố sức mãi mới khoanh một vòng bút, nhưng nó khoanh ngược, và cũng chẳng thành hình gì. Thằng Sửu tuy không được cha mẹ bắt học, nhưng những khi thằng Đa mở sách ra, miệng lầm bầm *a, bê, sê* và mắt ngắm con yểng trổ lồng, thì nó đứng cạnh, nhìn nhận chữ viết, và nhắc em nó.

Vì thằng Sửu có ích cho sự học của thằng Đa nên ông bà cả Bách cũng bắt thằng Sửu học, cho thằng Đa học theo. Bởi có sự ganh đua, hơn bảy tháng sau, ông bà cả mới có thể khoe với người ngoài được rằng thằng Đa đã đọc nổi quốc-ngữ.

Thế rồi hai đứa cùng nhau ra trường học lớp đồng-ấu. Thằng Sửu thì hiền lành, ngoan ngoãn và chịu khó, nên học đâu hiểu đấy, mà thằng Đa thì đã dốt, lại lười. Vì sở dĩ ông bà cả Bách cho thằng Sửu đi trường, chẳng qua

cốt để thằng Đa có bạn học cho nó đỡ chán nản, và có thằng Sửu đưa nó đi đường để khỏi lo lắng nỗi xe pháo ở phố, cho nên đến cuối năm, ông bà thấy chỉ một mình thằng Sửu được lên lớp, thì nhất định bắt nó học một năm nữa ở lớp cũ với thằng Đa. Song, vì thầy giáo không cho như thế, nên bất đắc dĩ thằng Sửu mới phải lên lớp dự-bị, mà rất lo ngại phải đòn.

Thật vậy, thằng Sửu rất hay phải đòn. Nó phải đòn vì lỗi nó.-Nó lại phải đòn cả vì lỗi các em nó. Ông bà cả Bách đánh nó cho nó sửa lỗi, lại đánh nó cho cho các em nó trông thấy để biết sợ mà sửa lỗi.

Sống để chịu mắng, chịu chửi, chịu đánh, thằng Sửu như đành với số phận, không dám oán cha mẹ, không dám khóc thầm. Nó biết nó là con nuôi, thì không thể được cha mẹ nuôi nưng niu như con đẻ.

Tuy mới mười ba tuổi đầu, nhưng vì được trải những cảnh khổ nhục sớm quá, nó có bộ óc già hơn tuổi. Nó biết

suy nghĩ. Nó đã được chỗ nương tựa để học hành, thì nó đành chịu đau đớn bây giờ để khỏi phải vất vả về sau.

Trong sách, có nhiều bài vẫn cho nó cái gương tốt ấy. Vả cha mẹ đẻ nó nghèo, đã phải bán nó đi để làm con mày con nuôi ông bà cả, thì nó được ông bà cả không coi nó ngang bọn đầy tớ, đã là may mắn, sung sướng lắm rồi, nó còn dám mong gì hơn nữa. Nếu nó bướng bỉnh, hỗn láo, tất ông bà cả chả để cho cha mẹ nó được yên thân. Ấy là một vài người lớn khuyên bảo nó thế thì nó phải nghe thế.

Thường nó cũng muốn biết mặt cha mẹ đẻ nó, nhưng nó không được về làng bao giờ. Mười ba năm trời nay, nó chỉ ở Hà-nội, chưa được ra ngoài thành phố. Ông bà cả Bách, năm thì mười họa có nói đến tên nhà cu Sang, là tên cha mẹ nó, nhưng động nói là thấy có ý khinh bỉ, nên nó không muốn nghe. Nó đau đớn, nghĩ ngợi một lát rồi mang sách ra học, hoặc đùa với các em cho khuây đi. Nó chả bao giờ bỏ được cha mẹ đẻ nó, vì cha mẹ

nó cũng cùng hàng tổng với cha mẹ nuôi nó. Sau này lớn, đi làm kiếm được tiền, lúc ấy mới có thể muốn gì thì gì. Chứ bây giờ, nó làm gì được !

Ngày còn bé, khi ông bà cả Bách chưa đẻ thằng Đa, thì thằng Sửu được chiều chuộng, âu yếm những thế nào, nó có biết đâu.

Nó chỉ nhớ được từ khi nó sáu, bảy tuổi.

Ông cả Bách đối với nó còn khá, chứ bà cả Bách thì thật coi nó như kẻ thù, ghét bỏ nó tệ quá. Không lúc nào bà nhìn nó mà không khoằm khoằm cái mặt. Bà thấy nó học bành chăm chỉ, và thằng Đa lười biếng, thì bà càng hay nhiếc móc nó. Không mấy khi bà để nó học yên. Lúc thì ba sai lấy thức nọ, lúc thì bà sai lấy thức kia, bà cố ngăn trở cho nó chỉ được giỏi bằng thằng Đa là cùng. Lắm lúc thằng Đa đang lại nhai học mà kêu nực, hoặc ngứa, thì lập tức, thằng Sửu phải quạt hay gãi hộ em nó liền, nếu chậm, ắt là lưng bị ngay mấy giáo quạt.

Thằng Đa mà nhức đầu hay đau bụng, phải xin phép nghỉ học, thì thằng Sửu cũng phải xin phép nghỉ theo, cho thằng Đa ở nhà đỡ buồn.

Bởi vậy, thằng Sửu vẫn sợ các em nó, các em nó bắt nạt nó quá lắm mà nó cũng phải mần ngơ, chỉ cười rồi chạy trốn.

Một hôm, có khách đến chơi nhà, các em nô đùa rầm rầm làm át cả câu chuyện người lớn, cha mẹ mắng mãi không được.

Bỗng thằng Sửu thấy bà cả hầm hầm cầm cái roi đi đến. Nó mát ruột cho lũ trẻ hỗn láo. Nhưng khốn nạn, cái roi ấy lại vụt ngay vào lưng nó đen đét. Nó chẳng hiểu vì lẽ gì.

Sau mãi nó mới biết rằng nó có tội là không rủ các em đi chơi chỗ khác.

Con nuôi ! Nó đành phận nó.

Nhưng nó cực một điều, là họ hàng cha mẹ nuôi nó, người nào cũng ghét nó lắm. Đố có ai gọi đến tên nó bao giờ. Hễ ai muốn nói nó, là dùng ngay mấy tiếng « con nhà cu Sang ».

Người ta khinh bỉ, chê tởm nó hay sao? Nó là người. Nó là thằng bé vô tội. Cha mẹ nó hỉ có tội nghèo.

Có một lần, trong khi trằn trọc không ngủ được, nó để ý nghe câu chuyện cha mẹ nuôi nó nói với chú Hai nó.

Nó lắng tai, mở mắt ra nhìn, thì thấy chú Hai nó nhăn mặt, nói:

— Bác nuôi nó làm gì! Rồi bác xem, nuôi những thứ ấy trong nhà thì làm ăn không thịnh vượng đâu.

Cha nó đáp:

— Chú chỉ hay tin nhảm, viện hết lý nọ đến lý kia.

Thằng Sửu nghĩ ngay đến con Vện cha nó mới mua sáng hôm qua, hiện nhốt ở trong cũi. Nó không ngờ một con chó lại dính dáng đến sự làm ăn, buôn bán của người ta.

Chú Hai lắc đầu:

— Không phải tôi tin nhảm. Bác không rõ, chứ tôi thấy họ hàng nói nhiều lắm. Nó bẩn và hỗn, rồi nó làm hại các cháu lắm đấy.

— Không, nó cũng có ích.

— Ích gì, cả họ không ai bằng lòng, ai trông thấy cũng phải tởm, phải ghê. Bác muốn cho các cháu tiêm nhiễm những thứ máu hèn bạ ấy hay sao ?

Thằng Sửu nghĩ ngợi. Hay là chú Hai nói nó ? Nó sửng sốt cả người. Nó thở dài khẽ. Trống ngực nó thình thình. « Ghê, tởm, máu hèn hạ ». Không có lẽ thế là người ta nói về con vật. Chuyện nó hay chuyện con chó ? Nó rưng rưng muốn khóc. Chú Hai lại bảo :

— Tôi nói nhiều lần mà bác không tin. Nó lừa dối bác nên bác mắc, mới đậm mà mua dấy.

Thằng Sửu dẹp ngực xuống. Nó sung sướng. Đích là cha và chú nó nói chuyện con chó Vện thật chứ không phải chuyện nó. Nó là người kia mà !

Cha nó đáp :

— Họ ghét thì họ bịa đặt ra thế đấy chứ !

— Ồ, bác thử nghĩ kỹ xem, nó có giống mặt bố nó không ?

Thằng Sửu lại thấy rộn rực cả người.

Con chó thì làm gì có bố ?
Hay đích chuyện nó chăng ?
Chú Hai nói tiếp :

— Trước kia mười miệng cùng bảo thế, cũng đã không thề sai được rồi. Vả tôi mới hỏi được, chính nó thú thực ra như vậy.

Cha nó giật mình :

— Chính nó thú ? Chú vừa hỏi ?

— Phải, tôi mới về nhà quê hôm qua.

Thằng Sửu run lên. Đích chuyện nó rồi. « Nó » là ai ? Hay là cha để nó ? Cha để nó thú cái gì ? Nó lắng tai, chú Hai nói :

— Nó nhận rằng thằng Sửu là con đứa nào đẻ hoang mà nó thấy ở miếu Âm-hồn đấy. Thằng Sửu như bị tiếng sét. Nó đành liều, hu hu lên khóc.

III

Liều

THẰNG Sửu theo bà cả Bách ra ga để về nhà quê. Nó biết rằng về lần này, nó không được ra Hà-nội nữa, nó sẽ bị bà cả đem trao trả cho người đã bắt được nó ở miếu Âm-hồn. Người này rồi có yêu mến nó hay không, nó chưa thể biết được. Song dù chưa thể biết chắc, nó cũng đoán đúng được ít nhiều. Người ấy đã không đẻ ra nó, lại nuôi nó có mấy tháng trời, thì sao có cảm tình với nó được! Thành ra nghĩ vẩn vơ, nó chán ngán cho đời nó, rồi đây, không biết nó nương tựa vào đâu. Từ nay về sau, tất nó phải sống một cách khổ sở. Song, sao trời không cho nó

được tập sự khổ sở ngay từ thuở bé, lại đầy ải vào nhà ông bà cả Bách, một nhà giầu có, để nó quen cái thói lười lĩnh, ngay xương. Thành ra nó sống đời trước để làm hại đời sau này của nó.

Nó lại oán người đời lạ lùng. Làm sao người ta không thừa nhận đứa con đẻ hoang là người như nó? Nó không có tội gì cả. Trái lại, nó muốn thân yêu với nhiều người. Nó đã mến các bạn học, và bạn học cũng mến nó. Nó đã bố thí cho kẻ ăn mày, cái lần nó để dành được mấy xu của thằng Đa cho nó. Nó đã tha thứ cho các em nó là con ông bà cả Bách, những khi mấy đứa này cậy thế, làm nhục nó. Nó đã chịu bao điều bất công của ông bà cả Bách xử với nó. Nói tóm lại, nó là người không gian ác, là người biết tự rèn để sau này có cái tương lai không đến nỗi đê hèn.

Ấy thế mà chỉ tại nó là đứa con đẻ hoang, nên nay nó bị bọ hàng ông bà cả Bách hất hủi, coi nó như một

con vật nhơ nhuốc, xấu xa. Lúc nào nó cũng sợ sệt, bẽn lẽn, len lét. Sự ngoan ngoãn của nó không thể cho nó chắc chắn rằng được yên thân, không phải mắng, phải đòn. Nó là con đẻ hoang. Tại sao người đẻ ra nó lại không nuôi nó ? Tại sao cha nó không nhận mẹ nó là vợ, để đến nỗi nó thành ra đứa con đẻ hoang ? Cha nó là ai ? Mẹ nó là ai ? Ở đâu ?

Thằng Sửu đưa tri nghĩ đến một chỗ mù mịt. Nó thở dài.

Rồi nó về đến làng.

Bà cả Bách đưa nó đi quanh co theo đường các xóm, đến trước cái điếm canh, bà đứng dừng lại, dịu dàng nhìn nó và nói :

— Thầy me chỉ nuôi con đến ngày hôm nay mà thôi, từ nay con về nhà con nhé.

Thằng Sửu thản nhiên, nó không lấy làm lạ, không buồn, vì nó biết trước cả số phận nó. Thấy vậy, bà thương hại, hỏi :

— Con được về nhà con, con có mừng

không ?

Thằng Sửu làm bộ ngớ ngẩn, ngoan ngoãn đáp :

— Con không biết.

— Con có nhớ thầy me và các em không ?

Tự nhiên thằng Sửu xúc động, nó ứa nước mắt ra. Bà cả Bách thở dài, rồi đưa nó đi, giẽ vào lối hẹp đến cái cổng chống thì nói :

— Đến nơi rồi, đến nhà con rồi. Me coi bộ mày hớn hở vai vẻ lắm nhỉ.

Thằng Sửu nao nao cả lòng. Nó buồn thực Nó. gượng nói :

— Con chả biết mặt cha mẹ đẻ con thế nào cả.

Ngọt ngào, bà cả đáp :

— Rồi con biết. Thôi, ta đi vào.

Dứt lời, bà cả lên tiếng gọi, thì trong nhà có tiếng thưa.

Thằng Sửu hồi hộp, trống ngực nó thình thình. Nó ngắm cái nhà không đến nỗi tồi tàn. Tuy mái lợp tranh, nhưng cạnh sân gạch cũng có tường hoa, bể nước. Bỗng một người đàn ông

trạc bốn mươi tuổi, tươi tỉnh ở trong nhà ra, vừa đi vừa mặc cái áo dài. Thằng Sửu tròng trọc nhìn và chào. Bà cả Bách vui vẻ trỏ vào nó, nói đùa :

— Bác Sang có lẽ không biết thằng bé này là ai đấy nhỉ !

Thấy bác Sang ngơ ngác đề mắt vào thằng Sửu, bà cả cười :

— Dễ hai người gặp nhau ở đường, thì đánh nhau xong rồi mới nhận nhau cuắc. Thằng Sửu đấy mà.

Bác Sang liếc trông qua thằng Sửu và nhìn chân phải của nó, rồi thản nhiên như không, đáp :

— Vâng.

Thằng Sửu chán ngán quá. Nó theo bác Sang và bà cả, vào trong nhà. Nó thấy mặt bác Sang mất hẳn những nét vui vẻ lúc ban đầu, nó đau đớn lắm. Bởi vậy, nó không để ý vào câu chuyện nhỏ to của hai người nói với nhau ở gian bên kia, nó lơ đễnh nhìn ra ngoài sân, ngắm lũ gà con theo mẹ.

Một lát, bà cả Bách đứng dậy, đến gần thằng Sửu, xoa đầu nó và dặn :

— Thôi nhé, con ở nhà cho ngoan nhé.

Rồi thấy nó tiu nghỉu, thì bà nhăn nhó, nói :

— Khốn nạn, mười hai mười ba năm chứ có phải dăm ba tháng gì cho cam, đừng nhớ thầy me và các em nhé.

Thằng Sửu dơm dớm nước mắt. Nó chỉ thương nó, chứ không cảm gì về cái giả dối của bà cả Bách. Nó đứng rén sang một bên, chào bà cả, rồi trông theo.

Từ lúc bấy giờ, bác Sang mới bỏi chuyện nó. Nó không thấy đậm đà một tí nào. Rồi bác Sang buồn bã, thở dài, kể lể :

— Tao ở nhà có mỗi một mình. Mẹ mày chết đã lâu. Em mày, tao cho trọ học ở trên huyện.

Thằng Sửu giật mình. Nó chưa hiểu tiếng « mẹ » đây là ai.

Mẹ nó là vợ bác Sang, hay người đẻ ra nó ?

Nó làm bộ buồn bã. Bác Sang lắc đầu, nói :

— Mày về đây không có ích gì cho

tao cả.

Thằng Sửu đáp :

— Thày cho con đi xa lâu ngày, con chỉ mong về ở với thày.

Bác Sang cười, dấm dẳn :

— Ở thế nào được ! Đến ông bà ấy còn chẳng nuôi được mày nữa là tao.

Thằng Sửu yên lặng nhìn bác Sang, có ý hỏi. Bác Sang nghĩ ngợi một lát, rồi cau mặt gọi :

— Sửu, thế hôm qua ông bà ấy có bảo mày gì không ?

— Thưa thày không. Mãi tận ban nẫy, bà cả mới bảo cho con biết rằng bà ấy cho con về.

Bác Sang bực mình, nhại :

— Về ! Nhà mày đâu đây mà bảo là về !

Thằng Sửu khó chịu quá. Nó không hiểu rồi đời nó xoay ra đến thế nào. Nó chỉ muốn nghe hết những điều bác Sang chưa cho nó biết, nên nó hỏi :

— Thưa sao lại không phải nhà con đây ?

Bác Sang cười nhạt :

– Tao nói cho mày biết thì tao cũng thương hại mày lắm. Thực ra, tao không phải người đẻ ra mày. Tao chỉ là người bắt được mày thôi.

Thằng Sửu bỗng choáng cả người.

Bác Sang tiếp :

– Nguyên ngày trước tao đẻ ba, bốn lần không nuôi được, cho nên đến đốt cuối cùng, tao giận lắm, tao không chôn cái xác đứa nó lộn đi lộn lại mãi vào nhà tao Tao đồ mực vào mặt nó để đánh dấu, rồi đem nó ra miếu Âm-bồn ở cánh đồng đầu làng, khấn khứa thần-linh, rồi tao đập cho nát ngực nó ra và vứt ở đấy. Lúc trở về, tao thấy có tiếng trẻ con khóc, tao bèn tìm được mày. Vì tao đẻ mãi mà không nuôi được, nên tao sợ thiên hạ chê cười, tao mới đem mày về, định giấu không cho mọi người biết là tao mới bỏ đứa bé và nhận mày chính là đứa bé ấy. Nhưng rồi năm sau, nhờ trời tao đẻ được đứa con trai, tức là thằng bé tao cho trọ học ở trên huyện đó

Bởi vậy, mày ở nhà tao lữa là thừa. Vả chăng, rồi làng nước, họ hàng, không ai bằng lòng cho tao nuôi nấng mày, tao mới phải đem bán mày đi.

Thằng Sửu rùng cả mình, rưng rưng nước mắt, hỏi:

— Thế con là con ai? thầy cho con biết.

Bác Sang vẫn lạnh lùng:

— Nao tao biết được! Mày là con đẻ hoang, nên làng nước mới khinh bỉ, mỉa mai tao, nói nhiều điều khó chịu đến tai tao, đến nỗi tao không thể để mày ở nhà được.

Thằng Sửu chùi nước mắt, nói:

— Sao ban nẫy thầy không bảo bà cả đem con về nhà bà ấy?

— Bà ấy không bằng lòng nuôi mày nữa, họ hàng bà ấy cũng kêu ca nhiều lắm. Nhưng mà được. Tao đã chót cứu mày sống, thì tao phải tìm cho mày một chỗ ở tử tế. Mày không thể ở làng này. Tao sẽ đem mày đi Hưng-Yên, cho ông Lý Bá làm con nuôi, ông ấy cũng hiếm.

Thằng Sửu lạnh run lên. Thì ra nó chót sống cho người ta khinh bỉ, hắt hủi, ghẻ lởm. Nếu vậy, nó không thể nhờ vả được vào một người nào ở trên đời nữa. Nó phải tự kiếm kế để nuôi thân. Nhưng kế gì? Nó còn bé quá, dù có nghĩ ra kế, nó cũng không đủ sức làm. Ngay như cái cách sinh nhai giản dị nhất là đi ở không công để kiếm đủ cơm nuôi miệng, chưa chắc nó đã chịu nổi việc. Nó yếu và không quen cất nhắc chân tay, thì ai dùng! Vả người ta tìm những đứa có căn bản, chứ ai dại gì mà nuôi đứa bơ vơ.

Nhưng ở với bác Sang thì cố nhiên là nó không thể rồi, vả đời nào bác chứa nó! Mà đến làm con nuôi ông Lý gì ở Hưng Yên, nó cũng chịu. Vì biết đâu, một ngày kia, khi ông ấy biết nó là đứa con đẻ hoang, thì nó lại phải trở lại nhà bác Sang, và chịu cả những nỗi nhục nhã như ngày hôm nay.

Vậy đằng nào nó cũng phải lập thân. Cảnh nó thế này, thì nó phải lập thân

sớm, nó không oán hờn số p' ận nữa. Vả oán hờn thế nào được. Nó là con người nào, mà người ấy bỏ nó ngay từ khi nó mới lọt lòng, thì nó mong gì sự tử tế của những người không dứt ruột đẻ nó ra.

Thằng Sửu ở nhà bác Sang đã hai hôm. Nó khó chịu nhất, là thỉnh thoảng cứ có người đến xem mặt nó. Nó cũng nhớ cảnh gia đình ông bà cả Bách. Buổi tối, nó càng thấy buồn. Bác Sang cả ngày chẳng nói với nó một điều. Nó làm gì bác cũng mặc. Hình như bác không muốn thừa hơi dạy bảo một đứa con người dưng vậy. Đương ở một chỗ cả ngày phải sợ hãi len lét, nó đến ở một chỗ người ta kệ thây nó, thằng Sửu hấy đau đớn gấp đôi. Nhiều lúc nó thèm roi vọt, mắng mỏ.

Thường thường, nó ngồi ở đầu hè, ôn lại trong óc những buổi đi học, cùng anh em bạn nô đùa. Nghe tiếng thân cây tre cọ vào nhau kèn kẹt, nó buồn thẩm buồn thê, buồn có thể phát khóc được. Cảnh nhà quê đã lặng lẽ, mà

cảnh lòng nó còn lặng lẽ bằng hai.

Thằng Sửu khóc thầm, nó không thể sống được thế này mãi. Thôi, đành nó phải liều. Thà tự nó làm khổ nó, còn hơn đem thân cho người khác làm nhục.

Tối hôm ấy, nó đi nằm sớm để nghĩ ngợi. Mỗi lúc nó lại thở dài. Bỗng bác Sang gọi nó dậy, và bảo:

— Sửu, mai mày đi với tao sang Hưng-Yên, tao đã nhắn ông Lý, ông ấy bằng lòng rồi.

Thằng Sửu ngồi dậy, đáp :

— Con xin thầy đừng cho con sang bên ấy nữa, vì con nghĩ rằng con không dám làm bận lòng thầy.

Bác Sang lắc đầu :

— Mày phải đi, mày không ở được nhà này.

— Không, con không ở nhà này mà.

Nhìn nó một cái, bác Sang hỏi :

— Mày đi đâu ?

— Thầy cho con về Hà-nội.

Bác Sang gắt :

— Không được. Rồi ông cả lại đưa

mày về đây với tao thì cũng thế.

Thằng Sửu quả quyết đáp :

— Không. Con không ở với ông bà cả nữa đâu.

— Mày ở với ai ?

— Con ở với ai cũng được. Con không làm phiền đến thầy.

Một lát, bác Sang lã h đạm, nói :

Nhưng tao chót khai sinh cho mày là con tao. lỡ ra mày làm bậy gì thì cứ tao người ta đổ vạ.

Thằng Sửu lắc đầu :

— Tên Sửu là ông cả Bách đặt cho con. Con có biết thầy đặt tên con là gì đâu !

— Nhưng mày ở nhà ai ngoài Hà-nội mới được chứ ?

— Con có nhiều người quen, miễn là không phải họ hàng hay bạn bè ông bà cả Bách là được. Con kiếm việc làm. Con chỉ xin thầy xuất vé xe lửa, cũng như thầy phí tổn đưa con sang Hưng Yên thôi mà. Con làm thế nào kiếm được đủ ăn thì thôi.

Sau một lát đắn đo, bác Sang

bằng lòng. Thằng Sửu hởi dạ. Nó thấy nhẹ nhàng trong mình một phút. Nó muốn thoát ly những sự bất hủi, khinh bỉ, ghê tởn của người đời đối với nó, nên nó phải liều mà tính chuyện cất bước ra đi. Nhưng thực ra, rồi khi đến Hà-nội, nó chưa kiếm cách nào để nuôi miệng cả.

IV

Nghề kiếm ăn

SỬU lang thang đi hết phố nọ sang phố kia. Nó không dám vào nhà ai cả. Nó qua trường học cũ, nghe văng vẳng tiếng thầy giáo giảng bài và anh em cười trong lớp, nó quyến luyến, đứng thần ra đến hàng giờ. Rồi thở dài, nó lại đi lang thang.

Trời vừa nắng vừa nóng. Cả một vùng xanh ngắt, không có tí gợn mây. Đã về chiều rồi, mà sức nồng nực còn như buổi quá trưa. Sửu mệt, lại thêm nhức đầu. Cái mũ trắng và cái áo the, nó đã phải gán rẻ cho hàng cơm cả. Nó lo lắm. Tối nay, cũng đành như tối qua, nó phải

nằm nhờ ở hè nhà hàng phố. Nhưng mai, nó ăn bằng gì? Cả cơ nghiệp nó chỉ còn có cái áo cánh với cái quần đầm những bụi với mồ hôi. Ai biết nó là đứa trẻ khốn nạn để mong người ta cứu vớt nó qua thì một, hai bữa? Nó càng lo. Song dù được một, hai bữa qua thì phỏng để làm gì? Để nó phải sống, phải sống để kiếm ăn mà kéo dài cái đời khốn nạn không biết đến bao giờ mới hết. Vậy thì một vài bữa có ích gì cho nó? Nó cần phải sống trọn đời nó kia mà!

Rồi chàu nó đưa nó đến chợ Hôm. Tự nhiên nó nghĩ đến kế sinh nhai của những đứa trẻ bằng tuổi nó, hàng ngày nó được thấy. Chúng nó giữ xe hộ người ta. Chúng nó cắp rổ hộ người ta. Nghề ấy rất nhàn hạ và hợp với nó.

Sáng sớm hôm sau, ánh mặt trời lẻ lói chiếu vào mắt Sửu, làm nó sực tỉnh dậy. Nhanh nhẹn, nó ra máy nước rửa mặt và súc miệng, rồi vơ vẩn đứng trước cửa chợ để chờ làm dầy tớ chốc lát cho công chúng. Nhưng khốn nạn thay, nó

không nhanh chân cướp khách, nên những đứa khác đã tranh được cả mối lợi.

Sau mấy lần hầu hụt, Sửu tỉnh ngộ, bèn đứng tận chỗ xa để đón người đến chợ. Song động chạy đến gần ai để xin việc, Sửu cũng bị xua tay. Người ta vẫy một thằng khác đã quen mặt.

Sửu chán chường. Nó thấy một vài đứa nói bâng quơ mấy câu xỏ xiên, khích bác. Nó tức quá. Nhưng làm gì cái vặt. Nó phải bỏ ngoài tai những cái nhỏ nhen để cố mà cạnh tranh lấy miếng ăn, vì trước khi có thể sống tinh thần, nó cần phải no bụng đã. San cùng, nó được một bà đưa rổ cho nó cắp hộ.

Nó theo bà ta loanh quanh hết hàng nọ đến hàng kia hàng giờ, hai cánh tay nó sã xuống vì phải mang nặng quá. Rồi khi lên xe, bà ấy đặt vào tay nó hai xu.

Sửu vui sướng, ngắm nghía mãi hai đồng xu quý hóa. Đoạn bỏ vào túi, nó đi đến chỗ khi nãy. Thình lình, một cái bạt tai rất mạnh làm nó choáng cả người.

— Oe con, muốn chuồn hẳn ?

Định thần để nhìn, Sửu nhận thấy một người lớn hơn nó, mặt đen đủi, dữ tợn, bất hàm bỏi nó :

— Anh định chuồn con phải không ?

Nó chẳng hiểu việc gì cả. Ngây thơ, nó nhìn thằng lớn để minh oan một cách sợ hãi. Thằng lớn phanh ngực áo tây vàng ra, trợn xoe mắt, rồi đội lại cái mũ lưỡi trai, lẳng lặng, vừa thọc tay vào túi áo Sửu vừa nói :

— Mày vượt quyền tao à ? Mày vờ quên lệ ở đây à ?

Sửu ngơ ngác, hỏi :

— Tôi biết lệ gì ?

Thằng lớn vừa lấy được hai xu xong, có hai thằng trẻ khác chạy lại, giục :

— Đánh thành tật đi ! Không phải chỗ nó làm ăn ở đây.

Thằng lớn giơ năm ngón tay, dậm dọa :

— Từ nay đừng quên, hể ! Mày hỏi tất cả những đứa này xem nó có dám liều như mày không ? Lần này tao tha, lần sau không chia cho tao thì chớ chết, con nhé !

Nói đoạn, nó quăng xuống đất một xu, rồi vênh vào thọc hai tay vào túi, vừa huýt còi vừa đi.

Sửu cúi nhặt tiền. Mấy đứa trẻ mắt ruột, nói với nhau :

Trêu vào tay Sáu Đen thì phải biết !

Sửu ức quá. Có lẽ cái nghề mới này, nó không được tự do chắc ? Vẫn vơ, nó đoán mãi không hiểu cái bạt tai khi nãy, thằng Sáu Đen muốn bảo gì nó.

Nó thấy người vào chợ mỗi lúc một đông, như hiến nó những dịp kiếm tiền rất dễ dàng, nhưng nghĩ đến Sáu Đen, Sửu lại chột dạ. Nó thèm thuồng quá. Nó len lét đứng ở gốc cây, mỗi chốc lại đưa mắt nhìn trộm Sáu Đen, đương tán ma tán mãnh với các chị hàng rau xinh xắn Bỗng Sáu Đen ngửa hai ngón tay, vẫy nó và gọi :

— E !

Nó lo mê người, ngờ ngẩn đến. Sáu Đen hất hàm, hỏi nó :

— Mày ở đâu ?

Sửu xanh mắt, thực thà đáp :

— Thưa ông, tôi chẳng ở đâu cả.

— Mày đến đây tự bao giờ ?

— Thưa ông, từ sáng nay.

Sáu Đen dọa :

— Đồ ăn cắp ! Muốn chết !

Sửu run lên, ấp úng :

— Thưa không ạ.

— Ừ, không ! liệu hồn !

Đoạn, Sáu Đen nắm chặt cổ Sửu, quay Sửu mấy vòng, và hầy một cái. Sửu yếu, ngã vồ xuống đất. Sáu Đen đắc chí, cười khì khì, rồi lại vẫy bằng hai ngón tay :

— Mày yếu lắm, đi mà về cái nhà bò.

Sửu uất lên, song làm gì được ! Nó đành nén bụng, không dám nói nửa lời.

Sáu Đen vắt chéo chân, tựa vào tường, hỏi :

— Tao đây, hiểu chưa, chúa chỗ này; hiểu chưa ? Đấy, mày trông, những thằng oe kia phải nộp thuế cho tao, tao mới cho làm ăn yên ổn, hiểu chưa?

Sửu liếc nhìn Sáu Đen, đáp :

— Vâng.

— Mày cũng vậy. Chuồn thuế thì phải biết, hiểu chưa ?

Bấy giờ nó mới hiểu rằng Sáu Đen là trùm bọn trẻ con ở đây. Thế thì, nếu nó muốn kiếm ăn, nó không thể nào không thần phục thằng trùm này được.

Bỗng Sửu thấy mọi người chạy toán oạn, đuổi theo một đứa lớn hơn nó một tí:

— Nó ăn cắp của tôi! Các ông các bà bắt nó cho tôi!

Cảnh náo nhiệt làm cho Sửu đứng giương mắt nhìn. Nó thấy người ta đuổi kịp ngay đứa ăn cắp. Người ta đánh nó túi bụi, đến nỗi Sửu rùng cả mình. Lúc ấy, Sáu Đen chạy ngay đến chỗ đông, rồi một lát, hầm hầm đi trở lại, vừa đi vừa sừng sộ:

— Phải, cứ mỗi chốc lại bắt lắm thế nhé!

Rồi Sáu Đen giơ chân giơ tay, nói với mọi người đứng xem:

— Cây nhớn bắt nạt bé! Đồ mạt! Nó có ăn cắp bao giờ!

Sửu tự thấy kiếm ăn ở một nơi rất nguy hiểm. Độ mười lăm phút, sau khi không còn ai bàn tán gì đến chuyện

ăn cắp ấy nữa, thì có một thằng bé con, vẻ mặt kín đáo, đến gần Sáu Đen, trông trước trông sau, rồi giúi vào tay Sáu Đen chiếc dây chuyền vàng róc.

Sửu sợ quá, không dám nhìn, nó vờ quay mặt đi, rồi lảng ra chỗ khác. Nhưng vừa được mấy bước thì thình lình nó bị một bàn tay cứng như sắt bóp vào cổ nó, lắc mấy cái:

– Liệu hồn, con nhé. Theo đây.

Sửu quay đầu lại, thấy Sáu Đen. Nó không thể đoán được rằng rồi Sáu Đen sẽ làm tội làm tình gì nó. Nó muốn trốn quách đi, song chắc không thể được.

Hai đứa bước thật mau, đến một ngõ hẻm, Sáu Đen vào nhà vừa thấp vừa tối. Sửu tưởng tượng như đến một nhà ngục để nó bị hành hình.

Sáu Đen rót nước, uống, rồi dịu dàng, hỏi:

– Anh thấy mày hiền lành, anh thương, hiểu chưa? Nhà mày ở đâu?

Sửu sợ hãi, đáp:

– Thưa ông...

Sáu Đen lắc đầu :

— Gọi bằng anh !

— Thưa anh, tôi không có nhà.

Sáu Đen trợn mắt :

— Không có nhà ? Mày cứ nói thực, không việc gì mà sợ.

— Thưa anh, tôi nói thực.

— Thế hôm qua, hôm kia, mày ở đâu ?

— Hôm qua, suốt ngày tôi đi phố, đêm tôi ngủ ở hè nhà người ta.

Sáu Đen nhìn tròng trọc vào mặt Sửu, hỏi:

— Thế hôm kia ?

— Hôm kia, tôi...

Sửu nghẹn lời, cảm động. Tự nhiên nó kể thực cả cảnh ngộ nó. Sáu Đen gật gù, nói :

— Tình cảnh mày đáng thương đấy. Mày có bằng lòng ở đây với tao không ?

Sửu ngây thơ, nhìn Sáu Đen. Sáu Đen lại nói:

— Tao dạy mày nghề mà kiếm ăn.

Nửa mừng nửa lo, Sửu ấp úng, không đáp. Sáu Đen nói :

— Tao thấy mày nhanh nhẹn mà

biền lành, tao thương, có hề thôi.

Nó liền đáp :

Vâng.

Rồi quả nhiên Sửu được Sáu Đen cho ăn cơm, mà khôog bắt làm gì hết. Nó cũng cảm động.

Sáng hôm sau, Sáu Đen tỉ tê, bảo Sửu :

— Mày nhanh nhẹn, nhưng khí thật thà. Phải bỏ cái thật thà đi mới kiếm ăn dễ, mày ạ.

Sửu vì đã quen, nên mỉm cười, đáp :

— Vâng.

— Ví dụ mày thấy ở ngoài đường có cái ví tiền người ta đánh rơi, thì mày làm thế nào ?

Sửu lúng túng, sau cứ thẳng thắn, đáp :

— Đem đến nộp ở sở Cẩm thì phải hơn...

Sáu Đen thở dài, thương hại, nói :

— Thế thì mày không thể học được nghề tao. Mày còn ngốc lắm.

Sửu tranh nói :

— Tôi đã nói hết câu đâu. Tôi bảo thì phải hơn kia mà, Nhưng mà mình phải lấy cái ví ấy.

Sáu Đen gật đầu :

— Phải, thế mới công bằng. Vì đứa đánh rơi ví, bắn là đứa có nhiều tiền. Tiền của nó, mình được tiêu, nó không xót lắm, mà mình thì đỡ được mấy hôm vất vả.

Sửu tiếp :

— Và để cho nó chừa thói lơ đễnh.

Nói đoạn, nó cười như nắc nẻ.

Thế là Sửu được học nghề ăn cắp chợ. Sáu Đen truyền cho cách rút bút mày, cắt khuy áo và ruột tượng, là những bài học vỡ lòng. Sáu Đen bắt nó tập thật nhiều lần cho quen tay, rồi đến khi thấy nó ra chừng hơi đắc đạo, Sáu Đen mới sai nó đi thực hành môn học. Sáu Đen dặn :

— Phải mạnh bạo, liều lĩnh mới được. Đừng sợ ai bắt mày. Đã có chúng tao đứng ngoài. Mày phải nhanh nhẹn đưa thứ lấy được cho thằng Bảo, hiểu chưa ?

Mấy hôm trời Sửu được no nê cơm nước, lại được Sáu Đen chiều chuộng, nên nó cũng quên nó là thằng ăn cắp

đương tập sự.

Nay nó phải đem sức học ra để kiếm ăn, nó mới sực thấy cái nghề này gần nhà pha quá. Tự nhiên, nó đâm sợ hết cả mọi người mà nó gặp. Đứng ở phố, nó tưởng tượng như xung quanh nó, bao nhiêu cánh tay sắp vớ bắt nó, bao nhiêu con mắt dán cá vào sau gáy, sau lưng để dò xét nó. Hình như ai cũng ngờ vực nó. Hình như ai cũng biết nó là thằng ăn cắp. Nó xấu hổ, hối hận.

Nhưng biết làm thế nào ? Nó theo Sáu Đen ra đến chợ, đứng lảng vảng ở chỗ xa xa. Sáu Đen nói :

— Có món nào dễ làm thì tao bảo chúng nó để phần mày nhé.

Sửu sợ run cả người. Nó phận vân. Chắc nó chưa thể ăn cắp được. Nó chưa lành nghề, chắc rằng còn ngượng nghịu quá. Bỗng Sáu Đen ra hiệu, đưa mắt vào một người học trò, tuổi bằng trạc Sửu, và ghé tai bảo :

— Đấy! Thật ngon ơ nhé.

Nó ngập ngừng. Sáu Đen khuyến

khích và giảng như mắt trông rất rõ :

— Cái túi tiền nó để trong túi áo dài. Cái ví ấy nặng đấy. Nhìn cổ áo, bên không có ví thì cao, bên vạt con có túi đựng ví thì thấp. Rõ chưa ? Đấy. Mà dễ quá. Áo nó hai khuy nách tuột sẵn ra rồi, chỉ còn một việc cỏn con nữa rà thành công thôi. Đi, đi mau !

Sợ Sáu Đen làm tội, Sửu bước liền châu đi. Nó thấy gáy như có cái gì bò buồn buồn. Nhưng nó không thể lui được. Sáu Đen vẫn trông theo nó.

Người học trò nghênh ngang đi trước các cửa hàng, dán mũi vào kính tủ để xem đồ đạc bày ở trong. Sửu đứng sát gần, lẳng lặng cởi được nốt một chiếc khuy áo nữa. Cái vạt cả mở toà la. Sửu nhìn rõ cái túi ngoác miệng trong đựng cái ví đen đen. Chỉ còn một việc rất nhẹ nhàng là rón hai ngón tay, rút khẽ cái ví lên là xong. Người học trò thì đương mê man nghếch nhìn mãi vào trong tủ. Sửu áp lại, nó liếc nhìn hai bên. Không có ai cả. Nó giơ tay. Bỗng nó run lên. Thần lương-tâm

như đứng nghiêm chỉnh trước mặt nó. Nó lại hạ tay xuống. Nó đưa mắt nhìn người học trò. Người ấy vừa bằng tuổi nó. Thế mà nó nỡ ăn cắp của người ta.

Nhưng nó phải ăn cắp mới sống được. Nó cả quyết nhấc tay lên, đưa gần tà áo. Bỗng nó lại co lại. Nó hối hận. Tự nhiên nó nghĩ đến người mất vì sẽ vì nó mà phải đòn, phải chửi. Nó không được thấy lúc người mất của khóc mếu, song một người bằng tuổi nó phải khổ vì nó, nó nỡ nào! Cái túi áo ngoác ra, và sự lo đỉnh của người học trò như mời khan mời vã nó lấy đi. Song, cảm động quá, nó thở dài một tiếng thực to, rồi cắm cổ chạy đến Sáu Đen. Sáu Đen hầm hầm, bất hàm hỏi:

— Sao?

Sửu chớp mắt mấy cái, nhăn nhó, lắc đầu, nói:

— Tôi không nỡ.

Tức thì, Sáu Đen hầm hầm:

— Được, về đây. Thực là cơm tai!

Nói đoạn, nó băng bái về nhà. Sửu đi theo, lo lắm, biết rằng nó sẽ bị trừng

phạt một cách rất nghiêm ngặt, mà nó chỉ có tội là còn chút lương tâm. Quả nhiên, khi vừa tới nhà, Sáu Đen quay lại, tát ngay cho nó một cái, nó ngã khuỵu xuống đất, rồi chửi mãi. Đoạn, lên giọng chua chát, Sáu Đen mỉa, nói :

— Hừ ! Đói thì ăn cắp, có gì là xấu hổ... Mày oắt con mà cũng xấu hổ. Muốn xấu hổ thì ông cho được xấu hổ ! Ở đời này, không có nghề gì đê mạt cả. Rồi ông cho mày mài cái lương-tâm ra mà ăn.

Nói đoạn, cẳng tay, gót châu, thụi đá vào ngực, vào mạng mỡ Sửu một cách tàn nhẫn, khiến Sửu tê người đi, tưởng chết. Rồi Sáu Đen bắt Sửu nhịn cơm và bảo :

Mày nhịn đến khi nào mày thấy sự đi ăn cắp là cần cho mày sống, ông mới cho mày ăn cái cơm ăn cắp.

V

Những dịp may

NHỊN cơm hai bữa, Sửu đói meo Song nhất định nó theo tiếng gọi của lương-tâm, không làm cái nghề của Sáu Đen mà nó cho là đê mạt. Nó xin Sáu Đen cho nó ra chợ đem rổ thuê và giữ xe đạp, nhưng Sáu Đen lắc đầu, đáp :

— Nghề ấy không đủ kiếm ăn. Nghề ấy chẳng qua là phụ, cho người ngoài tưởng mình là lương thiện, để dễ làm to mà thôi. Không ăn cắp, không thể sống được!

Sửu thở dài. Nó càng thấy bộ mặt sắt đá của Sáu Đen, nó càng tởm. Có lẽ nó không thể ở đây cho Sáu Đen nuôi báo cô mãi, mà không đền

được bằng một công việc gì. Chiều lhôm đó, nhân Sáu Đen đi vắng, Sửu ẻn ra ngoài phố.

Bụng nó đói quá, đến nỗi nó hoa cả mắt. Chân nó như không đủ sức đỡ vững cái thân đét như con cá mắm của nó. Qua các hàng cơm, nó thấy mấy anh phu xe ngồi ở ghế dài, tay cầm gọn hai chiếc đũa tre mảnh dẻ, xới bát cơm, thổi phù phù cho đỡ nóng, rồi và ba bốn lượt bết một góc, phùng mồm để nhai, rất ngon lành. Sửu thèm rỏ rãi. Nó càng thấy cồn cào cả ruột. Tuọc hai tay vào túi, Sửu nhìn mồm mấy anh phu xe mà thèm quá. Song dù ngắm lâu hơn nữa, nó cũng chẳng được đỡ đói nào, nó lại lang thang đi. Sửu đi, chẳng có mục đích nào cả. Bỗng những tiếng kèn não nùng ở đằng xa đưa lại. Một đám ma đương thong thả tiến về phía nghĩa-địa. Sửu đứng dừng tại. Nó cần xem đám ma cho quên đói. Giọng kèu như khóc như than; gieo vào lòng nó

những nỗi thảm-đạm. Sửu chờ và nghĩ rằng xem đám ma, có lẽ nó có lợi, nó bèn đi ngược trở lại.

Mấy ngọn cờ xanh đỏ từ từ ủ rủ tiến đến. Trống cà-rùng nhịp nhàng làm cho nó hăm hở, phấn-khởi cả lòng. Vài chiếc kiệu sơn son thếp vàng, rồi đến linh-xa, khói hương nghi ngút, khiến cho Sửu vụt nghĩ ra một ý rất hay. Nó phải nhân dịp người ta đau thương để gợi tấm lòng từ-thiện. Rồi linh-cữu qua trước mặt nó. Mấy ngọn nến, như cảm tiếng bát-âm đi bài lâm-khốc, và tiếng khóc than kêu gào của ta gia, mà rỏ những giọt lệ âm thầm. Những người đi theo cữu, ai nấy có vẻ ủ rột. Nó cố nhận mặt vài người để đến gần, xin đồng trinh bố thí. Thì một ông bệ vệ, nghiêm trang làm cho nó hi vọng.

Sửu theo người mà nó cho là phúc hậu nhất đám ấy. Ngập ngừng mãi, nó mới dám đánh bạo ngửa tay xin:

— Con lạy ông, ông thí bỏ cho con

đồng cơm bát cháo.

Tức thì, ông phúc hậu quắc mắt nhìn nó, và nó bị ngay người ta lôi cổ ra:

— Đây không phải chỗ mày kiếm ăn, đừng vờ vịt rồi ăn cắp!

Ăn cắp! Nào nó có phải ăn cắp! Chính nó đương bị cái nạn thực thà đây. Nó thấy ông phúc hậu nhìn theo nó, rồi rỉ tai người bên cạnh. Người này khúm núm, đáp:

— Dạ.

Rồi người ấy cũng trông nó bằng đôi mắt khinh bỉ, nghi ngờ, và nói với một người khác:

— Cụ lớn bảo đuổi nó đi xa ra.

Sửu sợ quá, nó phải lánh đi trước. Thì ra chỗ này, tuy người ta đau thương nhưng không đau thương kẻ sống phải khốn cùng. Sửu lại len lén đến gần chỗ các bà. Ở đây, người ta nói chuyện nghe vui tai hơn. Nhân nó để ý đến những câu vấn đáp. Một bà phương phi nói:

— Cuộc chợ phiên vừa rồi, tôi tốn đến hơn chục bạc.

Bà đi cạnh chép miệng, nói:

— Việc nghĩa nên làm, bà tiếc làm gì!

Một bà nữa nói:

— Tôi thì quen đi cầu phúc ở các đền các phủ. Những cuộc vui ở Hà-nội, tôi chưa được dự một lần nào.

Sửu mừng thầm được chỗ nó giãi bày cảnh khổ. Nó ngắm những nét mặt hiền từ của các bà mà thêm kính phục. Nó chia tay, nói một giọng ngây thơ:

- Lạy các bà, hai bữa nay con chưa được ăn, xin các bà làm phúc.

Đồng thời cả ba bà cùng nhìn nó, và lại cùng trông đi, rồi nói chuyện:

— Những cuộc làm phúc bây giờ người ta đã tổ chức rất khéo, tuy mất tiền, song mình được nhiều cái vui về lạ lùng.

Sửu lại xin:

— Con lạy các bà làm phúc.

Một bà cau mặt, quát:

— Gớm! Cút!

Vừa bị hất hủi xong, Sửu liền bị ngay người ta đuổi và dọa:

– Vẫn thằng ấy. Liệu hồn !

Sợ xám xanh mặt, Sửu vội luồn qua mọi người, chạy mất. Nó hết cả hi vọng. Nó hiểu rằng nếu người ta cho nó một trinh, thì người ta chỉ mất tiền toi, chứ không được lợi gì cả.

Lúc bấy giờ, mặt trời tà đỏ ửng đã nhuộm hồng cả phía tây. Trận gió nhẹ như cố lay các lá cây cho khỏi ủ rũ hẳn. Cả một cánh đồng rộng, cỏ vàng, chân rạ xám, phơi rõ vẻ khô khan.

Bơ phờ, Sửu cúi đầu đi lên trước linh - cữu, rồi trèo lên đống đá để nhìn. Bỗng nó thấy ở mặt áo quan, có một bát cơm với một quả trứng luộc. Nó mừng thầm. Từ thuở bé, nó chưa hề đưa đám ma ai bao giờ, nhưng nó chắc rằng cơm và trứng đây là của người chết, thì người ta không lấy về nữa. Nó sẽ xin người chết để được đỡ đói lòng vậy. Nó quả quyết theo rồi cho đến huyệt.

Rồi người đưa đám lác đác thưa dần. Họ bấm nhau đứng lại và thuê xe đi về lối phố. Sửu nhìn lại mấy ông bà

từ thiện khi nãy, rồi nó thở dài.

Đám ma đến cổng nghĩa địa, thì tiếng khóc lại nổi lên như ri. Tự nhiên Sửu dào giạt cả lòng. Nóc ảm động thật. Nó cảm động vì nó chưa được khóc một người nào thân thích của nó. Nó cảm động vì nó thấy người ta chỉ tử tế với người chết rồi, chứ không hề thương những người sắp chết như nó chẳng hạn.

Bất giác, nó cũng dơm dớm nước mắt. Chẳng ai thương nó, thì nó thương nó vậy.

Người ta đặt linh-cữu xuống đất, rồi luồn dây trão để khênh quan tài. Sửu ngắm kỹ quả trứng bóng nuột và bát cơm đầy tú hụ trắng như bông. Nó mừng khấp khởi. Nó mong người ta chôn xong cho mau chóng rồi về, một mình nó ở lại, khấn khứa, tạ tội với người chết, rồi lấy thức ăn để qua bữa chiều nay. Nó cho rằng ăn tranh của người chết không độc ác bằng ăn cướp của người sống.

Người ta khênh quan tài từ từ đến

miệng huyệt. Thấy bát cơm quả trứng chực lăn nghiêng, một người đỡ lấy và bưng ở tay.

Hạ huyệt. Không cảnh nào làm cho Sửu động lòng bằng cảnh này. Những người mũ mấn áo xô tả tơi lăn lộn chu chéo, rồi theo nhau nhảy cả xuống hố, ôm lấy quan tài mà nằm, nói chẳng ra hơi. Sửu thở dài. Bỗng nó quên mất cả đói. Rồi vài người đứng trên co hết sức những người ở dưới huyệt lên. Buổi chiều tà, ánh sáng nhạt, như làm tăng vẻ ảm-đạm. Sửu trông những người ngoi ngóp ở dưới hố lên, mà nó giợn cả tóc gáy. Nó tưởng chừng như lũ ma quỷ hiện hình, chập chờn trong tấm áo, chiếc mũ xô lờ mờ. Nó không dám nhìn lâu nữa. Thình thoảng, nó đưa mắt đến người bưng bát cơm và quả trứng, đứng gần nó.

Rồi một thép mai hất một tảng đất xuống. Sửu mừng thầm. Trong ngót nửa giờ nữa, nó sẽ được no. Nó sẽ về nhà Sán Đen, lẳng lặng lấy bộ điệu nhanh nhẩu, vui tươi mà qua mặt ông chúa.

Như vậy, nó cho Sáu Đen một bài học xa xôi, rằng không phải ai cũng cần ăn cắp mới có thể sinh nhai được. Sửu như mở cờ trong bụng. Nó tự thấy kiêu căng lạ thường.

Nhưng bỗng nó rủn người như nghe tiếng sét đánh ngang tai : bát cơm và quả trứng, người ta vứt theo nhau xuống huyệt. Trong khoảnh khắc, cái hi vọng nó bị vùi dưới đất đen.

Sửu bủn rủn cả chân tay, tưởng chừng như không đứng vững được nữa. Tự nhiên, nó rưng rưng nước mắt, nó khóc. Nó ôm đầu chạy một mạch thật xa, rồi ngồi lả bên cạnh một cái mả xây, nó thổn thức.

Thật là tuyệt vọng. Một ngày rưỡi rồi, Sửu chẳng được một hột cơm. Không biết nó tội tình gì mà trời đã nỡ đầy đọa nó một cách ác nghiệt quá lắm thế. Nếu vậy, có lẽ nó không thể giữ vững được mãi tấm lòng thật thà, nó phải chịu cho Sáu Đen bắt nó làm những điều trái lương tâm nó.

Sửu nghĩ ngợi lan man, bất giác ngủ

lúc nào không biết. Nhưng giấc ngủ ấy cũng chẳng từ thiện chút nào, vì giá nó ngủ lâu mà say, thì lúc dậy, nó được thấy hơi đầy ở trong dạ. Khốn nỗi vừa chập tối, nó cựa mình, sực tỉnh dậy, mở mắt ra. Sửu nhớ là nằm ở trong nghĩa-địa, nó sợ rùng cả mình. Những con dom-đóm lập lòe bay giỡn trong khoảng tối đen làm cho Sửu nghĩ đến những người chết hiện ra để bắt nó. Không còn hồn vía nào, nó vội đứng phắt dậy, rảo cẳng chạy ra phía cổng. Nhưng mắt nó hoa lên. Chân nó yếu quá rồi. Bụi cây lù lù bên đường, tiếng nghiến răng của bụi tre làm cho nó hết hồn. Song nó vẫn phải liều đi.

Phía Hà-nội, một vừng ánh sáng rực đến tận khoảng trời cao, như vẽ rõ hẳn vẻ giàu sang, sung sướng. Sửu cắm cổ đi. Nó đắn đo, buồn bực, vì nó lại phải đến nhà Sáu Đen để ngủ đêm nay cho yên vậy.

Đến nơi, Sửu bèn lẻn. Sáu Đen vẫn sắt đá, mỉa nó :

— Mày gan hơn tao. Hay mày đã xin

đâu được bữa chiều nay ? Nếu có thể thế được mãi, thì tao cũng mừng cho.

Sửu sợ bãi, đáp :

— Không, tôi đứng chơi ở đầu phố.

— May có đói không ? Đã cần ăn cơm của tao chưa ?

Sửu nỉm cười, không đáp, đem chiếc chiếu ra hè nằm cho mát.

Đêm hôm ấy, Sửu còn cào, không sao ngủ được. Nó lắng tai nghe kỹ xem mọi người ngủ yên, để nó liều, thử một lần cuối cùng. Nhưng trời nực, nên người ta khó ngủ. Sáu Đen hết nghêu ngao câu sa-mạc, lại đến bài cải-lương, mà những thằng bé con, đồ đệ Sáu Đen, thì còn rúc rích đùa nhau mãi.

Sửu thật không thể nào nằm nhắm mắt yên được. Nó thấy mình nó nặng quá rồi. Nó cựa bên nào cũng khó chịu. Các đầu xương ê ẩm, mỏi rời. Muốn nằm yên một lát để thiu thiu đi, nhưng không sao nó quên được việc đói. Mười ba tuổi đầu, sức vóc đã ra gì, mà nó phải nhịn cơm luôn ba bữa. Sửu trừng trừng mở mắt ráo hoảnh. Mấy

ngôi sao trên trời lấp lánh, làm cho nó nhớ lại cảnh nghĩa-địa lúc chập tối. Nghĩ tới đó, nó lại tiếc bát cơm với quả trứng nõn nà. Người ta chôn xuống đất. Người ta vô tình mà xử ác với nó.

Độ đến nửa đêm, cả nhà yên lặng. Sửu lắng tai nghe, thấy ai nấy ngáy đều. Nó không nằm dai nữa. Cơ hội tốt đã đến. Nó bèn khe khẽ ngồi dậy, rồi sờ soạng, lần vào trong bếp.

Nó thuộc chỗ để nồi cơm mọi khi. Nó ngồi xuống, đưa tay dón từng ngón để dò lối đi. Rồi nó thấy cái nồi. Mừng quá, nó phấn khởi cả lòng. Nó mở vung ra, thọc tay vào xem, thì may thay, vài cục cơm vẫn còn dẻo, làm cho nó chẳng đắn đo gì nữa.

Sửu liền gión cơm bỏ vào mồm, nhai lấy nhai để. Nó thấy cơm vừa ngọt vừa thơm.

Nhưng bỗng có ánh đèn chiếu vào bếp. Hết hồn, Sửu nuốt vội vàng và đứng phắt dậy, thì vừa lúc nó trông thấy Sáu Đen hầm hầm đứng sừng sững trước mặt, nó đã bị một cái bạt

vào gáy rất mạnh;

— Này ăn này.

Sửu choáng cả người, ngã giùi dụi. Sáu Đen theo nó, giơ thẳng tay, tát hết sức mấy cái. Sửu đổ đồng quạng mắt, nằm roài ra đất. Mũi nó, máu chảy ra ròng ròng. Sáu Đen hỏi:

— Mày bảo mày không nỡ ăn cắp, thế bây giờ mày làm gì đây?

Sửu lạy van, khóc lóc. Sáu Đen nói:

— Tao đánh cho kỳ nôn trả cơm tao mới thôi. Cho mày ăn cũng bằng thừa.

Sửu vái lấy vái để:

— Tôi lạy anh! Tôi lạy anh! Tôi chừa rồi!

Sáu Đen vừa giơ tay vừa quát:

— Mày chừa gì?

— Ối, tôi lạy anh, tôi xin đi ăn cắp!

Tiếng kêu đau đớn làm cho Sáu Đen ngừng tay:

— Có thật không?

Sửu vội thưa:

— Thật ạ.

— Thế thì cho mày ngồi đây.

Sửu khóc lướt mướt, cố ngồi. Sáu Đen lên giọng lịch duyệt, mắng :

— À, bây giờ mày mới lạy tao để đi ăn cắp ! Mày không cho ăn cắp là nhục nữa, phải không ? Mày nỡ rồi à ?

Dứt lời, Sáu Đen đá Sửu một cái vào mạng mỡ. Sửu ứa lên không thở được, gò lưng, lại nói :

— Tôi lạy anh, tôi đau lắm rồi. Tôi xin đi ăn cắp.

— Phải, mày ngu lắm, con ạ. Mày tưởng mày khôn hơn tao. Mày cao thượng được nữa không ? Mày ăn cắp của tao, tức là ăn cắp lại của thằng ăn cắp mà không biết nhục. Đấy, tao cho phép ăn đi. Mai mà không ăn cắp, thì ông bảo chớ chết !

Sửu gạt nước mắt không dám ăn. Sáu Đen quát :

— Ăn đi ! Cho ăn thì không ăn. Lúc không cho ăn thì ăn cắp ; mà khốn nạn :

Sửu sợ quá, bốc cơm bỏ vào mồm. Tuy đau đớn nhưng được no, nó

phải cố ăn. Trong khi ấy, Sáu Đen nhìn nó, và dịu lời, vênh vào giảng :

— Mày thực hết sức ngu. Ăn cắp là một nghề kiếm ăn, cũng như trăm nghìn nghề khác, có gì là xấu. Mình đói thì phải đi ăn cắp, lẽ đó rất phải. Trừ phi mình thừa tiền mà cứ đi ăn cắp thì mới đáng nhục nhã. Và ở đời này, thiếu gì thằng phong lưu giầu có, mà cứ đi ăn cắp... Mày thử nghĩ mà xem... Ở đời, chỉ có những hạng ngu dại như mày mới cho ăn cắp là đê mạt mà thôi, chứ mày có biết đâu còn bao nhiêu đứa mong ăn cắp được mà không nổi đấy, con ạ!

VI

Sấu Đen tiên tri

SỬU phải đi ăn cắp thật.

Lần đầu, nó cắt ruột tượng của một bà nhà quê, rút được cái túi trong đựng hơn bốn đồng bạc. Lấy xong, nó cắm cổ chạy, không dám nhìn người mất của. Nó thồn thức cả người. Nó thương bà ta quá. Nó tự thấy khốn nạn hơn súc-vật. Rồi đến khi nghe tiếng bà ta tru lăn tréo lộn ở giữa chợ, kêu gào mất bạc, nó càng cảm-động. Cả một góc chợ thành huyên-náo, người chạy đi, kẻ chạy lại, ai nấy muốn tìm cho được những thằng kẻ cắp quen

mặt mọi khi để trừng-trị. Nó phải quay đi, không dám nhìn. Sáu Đen mỉm cười, bảo nó :

— Đó, mày nên trông, nên nghe cho quen mắt, quen tai đi. Trước tao cũng như mày. Như g nay thấy cảnh trước mặt họ ngu ngốc thế kia thì mình mừng thầm rằng nghề mình còn có cơ sống lâu được.

Sửu cũng mỉm cười, nhưng kỳ thực trong bụng nó muốn khóc. Thấy mọi người tận-tâm tìm kiếm đứa thủ phạm, và người bị nạn mếu máo kể lể lịch-sử cái món tiền mồ hôi nước mắt, Sửu chỉ muốn chạy phăng ra thú tội ngay cho hợp lẽ công-bình.

Sáu Đen gật gù, rồi nói nhạo :

— Một lũ mất thịt thế kia, bao giờ tìm kiếm được cái gì, thà cứ im cả đi lại đỡ buồn cười.

Sửu ngớ ngẩn nói :

— Phải, và đỡ mất công lại nữa.

Sáu Đen lấu lỉnh chìn Sửu, đáp giọng nửa quả quyết nửa mỉa mai :

— Nhưng rồi sao họ cũng truy ra

thằng ăn cắp.

Sửu nhìn Sáu Đen, có ý sợ hãi. Sáu Đen thấm hiểu, nói tiếp :

— Song mày đừng ngại. Người ta truy ra thằng ăn cắp, nghĩa là mày vẫn không việc gì.

Sửu ngạc nhiên, hỏi :

— Thế thì ai bị bắt ?

— Lại một thằng oắt con nào đi ăn mày vô phúc lảng vảng đến chỗ này, hoặc những thằng đói khát nào cướp giật củ khoai lang chẳng hạn.

Sửu rùng mình, thở dài. Nó không ngờ sự thực lại có thể như thế được. Sáu Đen lại nói :

— Nghĩa là tao muốn bảo cho mày biết rằng mày đi với tao là mày có phúc đấy. Chỉ những đứa nào không ăn cánh với tao, mới bị bắt mà thôi. Chợ Hôm là đất của tao, thằng nào ở ngoài lọt vào thì cho chết, đáng kiếp !

Sửu há mồm ra để nghe. Tuy mừng rằng nó tránh được ra ngoài vòng pháp luật để yên trí làm ăn, nhưng nó nghĩ thương hại cho đứa nào phải tù phải

tội thay nó. Sáu Đen thấy mặt Sửu rầu rầu, bèn an ủi:

— Mày nghĩ cái gì? Mày không nên lấy làm lạ. Nếu không có những thằng lương thiện hoặc thằng ăn cắp vặt chịu thay cho những thằng ăn cắp lớn, thì bọn mình còn sống làm sao được, mà tao cần vây cánh to làm gì?

Sửu không ngờ ở đời có những sự thực bất công như thế. Nó không muốn nghe Sáu Đen nói nhiều nữa. Nó vờ kêu nhức đầu, và xin đi về.

Đến nhà, Sửu nằm ẹp trên chõng, vắt tay lên trán, nghĩ ngợi mãi.

Lúc nào trong óc nó cũng hiện lên cái hình ảnh người đàn bà nhà quê thực thà bị mất cắp ban nãy. Nó nhớ đến những giòng nước mắt, những tiếng kêu gào thảm thiết của bà ấy, mà nó đau lòng. Nó lại sực tưởng tượng đến một đứa bé đói khát bỗng tự nhiên bị người ta xích tay và lôi cổ đi, vào ngồi tù thay cho nó. Nó đơm đớm nước mắt.

Rồi bữa cơm chiều hôm ấy, nó cáo ốm không ăn.

Nhưng không ăn mà sáng hôm sau, Sửu cũng vẫn phải đi làm, làm cái việc nó cho là ghê gớm, vô nhân đạo, gieo nan cho một người và gieo vạ cho một người khác. Song, lần này nó đã hơi dạn với tiếng kêu gào khóc lóc của người mất của, nên nó không thấy lương tâm cắn rứt lâu bằng lần trước, mà bữa cơm chiều cũng ăn được như thường.

Lần thứ ba, thứ tư, mỗi khi lấy được vật gì, Sửu không nhìn theo người mất cắp nữa. Nó để ngoài tai những sự đau đớn của người ta, và chỉ hồi hộp khi còn phải trông thấy mọi người lục đục chạy đi tìm thằng ăn cắp. Nó hồi hộp đến khi được biết có đứa bị bắt thay cho nó rồi, thì nó lại yên tâm như thường.

Dần dần, Sửu để bụng nghĩ về nghề ăn cắp. Nó muốn nhanh và khéo hơn. Rồi một vài khi, những bận khó khăn mà nó làm ăn được trôi chảy, thì nó thấy khoái trí, sung sướng và kiêu ngạo lắm. Rồi sau có không ăn cắp

vì cần dùng nữa. Thấy những người nghênh ngang khoe khoang tiền của một cách chướng mắt, nó ăn cắp cho bõ ghét. Thấy bạn kể lại rằng đã phải dùng những mưu mẹo tinh khôn mới có thể lấy nổi được cái ví tiền để ở túi sau quần của một công tử, nó cũng vì ghen tài mà móc cho ra cái ví tiền bằng bạc ở trong túi có gài ghim-băng của một tiểu thư. Lại muốn đùa bỡn với bạn đồng nghiệp, nó lập kế lấy bẵn cái áo đi mưa của ông đội xếp có tiếng ác và bắt cắp giỏi. Và muốn giải buồn, nó với bạn nó thi nhau tháo dây chuyền ở cổ một cô, rồi lại đeo vào trả bẵn hoi, mà cô ấy không biết.

Bởi vậy, chiều nào bọn nó cũng có một cuộc tụ họp ở nhà Sáu Đen. Đó là những buổi tu-nghiệp rất bổ ích. Đứa nào có ý gì hay, có khóe gì lạ, thì đem ra bàn và dạy nhau, để sáng hôm sau ra chợ thực hành.

Sửu rất vui vẻ về cái đời hoạt động của nó. Hôm nào trở trời, bất đắc dĩ phải nằm nhà, thì nó buồn tẻ lạ

thường, như một ngày trống trải, không đầy đủ.

Trông thấy những đứa khác bằng tuổi nó cắp sách đi học, hoặc đi ở làm đầy tớ, nó vừa thương hại, vừa khinh bỉ. Những đứa ấy sống một cách tầm thường theo khuôn mẫu định sẵn của số phận. Chỉ những hạng như nó mới gọi là đáng sống, lúc nào cũng hoạt động vui vẻ mà phấn đấu với đời. Nhiều lúc nó tự hào, dám hi vọng một ngày kia, sẽ dùng những thủ đoạn phi thường để làm cho không ai có thể khinh nó được, mà có lẽ lại ước mong như nó. Nó lại không oán hờn gì hết. Cả ông bà cả Bách, bác Sang, cha và mẹ đẻ ra nó. Nó cho đều là những người ân nhân cả. Nếu không được những người ấy ruồng bỏ, bạc đãi nó, nếu không được bơ vơ, thì bao giờ nó khôn ngoan được như bây giờ.

Sửu phục và mến Sáu Đen lắm. Nó thân như anh em ruột, trọng như thầy học. Bởi vậy, Sáu Đen cũng yêu nó, thường nói với nó:

— Mày rồi ngày sau hơn tao nhiều. Sửu sung sướng, càng gắng sức cho lành nghề hơn.

Một hôm, ngồi uống rượu với Sáu Đen, Sửu nói:

— Anh có thấy chỗ kiếm ăn của nhà hẹp hòi không? Tôi không hiểu sao anh không có chí bay nhảy.

Sáu Đen cười, đáp:

— Mày có chí tọ, nhưng thế là rồ dại. Người ta làm ăn chỗ nào, vào mặt nào đã quen, thì không nên đổi nữa. Đổi chỗ và đổi mặt làm ăn, đã không lợi, có khi lại hại cho nghề và cho mình. Tao cũng đã nghĩ như mày, nhưng rồi thôi, tội gì....

Sửu rót rượu thêm, nói:

— Anh nói thế, tôi không phục tí nào. Anh chỉ là một thằng ăn cắp để kiếm ăn đủ sống, không phải thằng ăn cắp để làm đẹp đẽ đời mình.

Sáu Đen nhạo:

— Mày say rượu rồi, đã dám nói càn.

Sửu cáu lắm, trợn mắt, nói:

— Tôi nghiệm ở đời phải liều mới có

cơ phất lo được.

— Phải, nhưng nếu không phất?

— Nếu không phất thì thôi, có làm gì cái đời ghê tởm của mình!

Sáu Đen cảm động, lắc đầu, nhìn Sửu một cách thương hại, nói:

— Số mình là số ăn mày, ăn xin. Ông ấy chỉ cho ăn có ngần ấy, nếu mình ăn dè thì được no nê suốt đời, bằng mình tham thì chóng hết, hoặc nuốt không trôi thì hóc. Tao xem mày không có cơ bền lâu được như tao đâu, cứ ngang tàng lắm, tao cho phải bắt sớm.

Sửu cười nhạt:

— Được, để tôi xem đoán đúng hay sai, anh bảo độ bao giờ thì tôi phải bắt?

Sáu Đen nhìn tròng trọc vào Sửu, như muốn trông thấy tận gan, tận ruột Sửu, rồi nói:

— Ngộ mày ở tù ra thì mày có đến đây làm với tao nữa không?

Sửu vội nói:

— Có chứ! Anh em bao giờ bỏ nhau. Dễ thường ở tù thì khôn người ra đấy,

anh nhỉ?

– Cái đó đã hẳn, vì bao nhiêu những cảnh khổ cực đều là những ông thày dạy khôn người ta cả.

Sửu ngước mắt nhìn lên, thở dài. Sáu Đen tủm tỉm, nói:

Tao xem chừng mày cao hứng sự ngồi tù lắm. Thứ mày thì người ta cho lên nhà trường-giới ở Trị-cụ. Mày hay bằng nhẳng, không khéo độ ba hôm nữa là cùng!

Lời Sáu Đen rất công hiệu. Quả nhiên ba hôm sau, Sửu đương vơ vẩn đứng chơi ở trước cửa nhà, thì bất thình lình, bốn người ập vào bắt và giải đi. Nhưng trước khi lìa nhà Sáu Đen, nó còn cố đụng cánh cửa bên trái để làm hiệu cho các bạn thấy khác dấu mà đừng về. Nó kinh ngạc, không ngờ lời Sáu Đen lại nghiệm được như câu sấm.

VII

Thím Tài Hưng

THÍM là người nước Việt-Nam, nhưng làm dâu nước Trung Hoa. Cũng như trăm nghìn bạn đồng-chí, thím lấy chồng một cách giản-dị thôi.

Người ta không biết, và cũng không tò-mò muốn biết cỗi rễ thím, người ta phỏng theo lý lịch của thím Chắn, thím Loòng Pảo, mà đoán rằng thím Hưng nay cũng đại khái như những thím kia.

Năm nay thím ngót bốn mươi, nhưng phấn sáp và quần áo đã ăn bớt được cho thím mười năm già, bởi vậy, thím vẫn giữ chắc chắn tấm ái tình của đức lang quân kém tuổi.

Thím không cần lấy chồng người Nam nữa, bởi vì hơn mười năm đầu gối tay ấp với chú Hing, thím đã có thể giấu giếm nay một ít, mai một ít, làm được chiếc nhà gạch trong quê cho cha mẹ ở. Lấy chồng người Nam, thím sợ rồi phải nuôi người ta, vì đem cái thân đàn bà trên lưng có hàng đống tuổi đi bồi chồng, thì quyết bắn phải lấy xuống, mà cái hạng đàn ông đến thời kỳ ấy mới tìm đến thím, thì cố nhiên họ không lấy thím làm vợ, mà chỉ lấy thím làm cái mỏ để đào mà thôi. Và duyên Hoa-Việt từ trước đến rày vẫn một niềm đằm thắm, thì dại gì thím ước vọng những cái hão huyền.

Chú Hing rất yêu vợ. Không bao giờ chú có tư tưởng một ngày kia lại quay đầu về làm rể nước, bởi vì chú thấy người đàn bà Việt-Nam có rất nhiều đức tính, nhất là đức tính thực thà. Và đàn bà Việt-Nam không có nhiều cái rắc rối như đàn bà nước chú. Họ chịu khó, biết hà tiện và không hay bắt nạt chồng.

Ở Hải-Phòng đã lâu năm, mà chú không hề thấy vợ đua chị đua em, đòi sắm thức nọ, mua thức kia bao giờ. Những phấn, những sáp, những quần áo tân thời mà hiện nay thím dùng, là do chú ép lắm, thím mới bất đắc dĩ mà trang điểm, chứ thực thím vẫn ngoây nguầy nói :

— Tốt danh hơn lành áo, mình ạ.

Chú cảm về câu phương ngôn ấy bao nhiêu, chú lại phục và yêu vợ bấy nhiêu. Chú so sánh vợ chú với vợ các bạn, thấy họ chỉ ăn tàn phá hại, lập những cuộc tình ái vụng trộm, mà chú tự cho chú rất dầy phúc. Bởi vậy, đã ba bốn năm nay, cứ cuối tháng, chú đưa cả số tiền cho vợ giữ, mà không hề bắt tính toán rành mạch các món chi tiêu.

Kịp đến ngày năm ngoái, gặp hồi kinh tế khủng hoảng, chú bị ông chủ thải về, thì chú càng phục vợ về sự thủ tiết. Buổi chiều hôm chú mất việc, thím khóc lóc, nhịn cơm, rồi tìm những tiếng khách rất đáng

mẹo mà « lừa » ông chủ là đồ ba que và giảng cho chú biết là chú đãi bi một cái nạn vợ đẹp. Chú Hing hỏi :

— Sao ? Mình nói rõ cho tôi nghe.

Thím vắt nước mũi, quệt khăn qua mắt, rồi nói :

— Hôm nọ, thằng cha ấy thấy tôi đi đôi với mình ở phố, nó đem lòng yêu dấu. Hôm kia, nó đặn tập dây gần tôi, bị tôi cự tuyệt, mắng cho một trận, nên nó thù mình.

Chú Hing thở người rưng rưng nước mắt, thở dài, nắm chặt lấy tay vợ, rồi lắc đầu :

— Mình làm tôi nghẹn ngào !

Thím Hing sung sướng, lườm yêu chồng.

Chú Hing mỉm cười, vuốt ve vợ, hỏi :

— Từ nay lấy, gì mà ăn ?

Thím Hing kiêu căng, đáp :

Cần gì ! Người ta không cho mình làm công tùi mình làm ông chủ. Mình làm cho mình, chẳng hơn phải đi lụy người à !

— Làm gì ? Mình bảo làm gì ?

— Mình có vốn, sợ gì chết đói !

Rồi ngừng ngợi một lát, thỉm bởi :

— Nhưng mình xưa nay quen lối công tử, biết rằng mình có chịu nổi nỗi khó nhọc không ?

Chàng Hing gật lấy gật để :

— Chịu được chứ ! Chịu được chứ ?

— Có khó nhọc thì ăn mới ngon chứ ạ ?

Thế là hai vợ chồng Hing bàn nhau buôn thuốc phiện lậu.

Nguyên thỉm Hing quen thân với một người đàn bà có tỷ bán thuốc phiện. Một đôi khi chuyện trò, thân thiết, nên bà ta nói cách thức buôn đã một lần, thỉm Hing bỏ tiền ra chuộng vốn, và được trông thấy lãi rất nhiều. Vì vậy, thỉm quyết phen này sinh nhai bằng nghề buôn dễ dàng ấy.

Nhặt nhạnh nợ nần được vài trăm, chú Hing mới đi thử một chuyến mạn Lao-Kay, và được trôi chảy. Nhưng đến khi ăn tiêu gần hết

thì chú bảo thím với rằng :

— Từ nay mình đi có lễ hơn, mình là người Việt-Nam, không cần xin giấy bông bành. Và dân bà không hay bị ngờ đâu.

Quả nhiên, lần thứ hai và thứ ba thím Hing được trót lọt. Sợng thím bàn với chồng :

— Bọn nhà Đoan ở Yên-Báy họ tinh ranh lắm. Ta không thể giấu đi được mãi đâu. Hễ họ thấy mình đi lại luôn luôn và quen mặt, ắt họ sinh nghi, và việc ta sẽ bị bại lộ. Nghề buôn thuốc phiện lậu như đánh bạc, hễ được mà ăn non đi thì mới chắc dạ, nếu cứ tham, sao cũng có ngày đồng xu nhỏ chẳng còn.

Chồng thấy vợ tinh khôn và ra dáng thông thạo, biết lo xa, thì tỉnh ngộ, đáp :

— Phải đấy, ta hãy nên nghỉ một một ít lâu, mà lần sau có đi, là nên kiếm đường khác và dùng cách khác.

Thím Hing lắc đầu :

— Không có cách nào là bọn nhà

Đoan không biết. Mình mới nghĩ được cách gì, là họ đã nghĩ được cách ấy rồi. Xưa nay, ta được nghe những cách buôn thuốc phiện lậu rất thần tình, ta định dùng thì cách ấy đã bị bại lộ lâu rồi.

Chú Hing lấy làm phải, gật đầu:

— Bởi vì bại lộ nên cách ấy mới đến tai ta.

Rồi nghĩ ngợi một lát, chú nói:

— Bây giờ có cách này, vất vả một tí.

— Cách gì?

— Mình đừng lên xe lửa ngay từ tỉnh Lao-Kay. Mình đi xuống dưới vài ga, rồi đến gần ga Yên-Báy, mình lại xuống. Nghĩa là nên tránh những nơi người ta khám kỹ.

Thim Hing lắc đầu;

— Nào người ta có chỉ khám ở trên xe lửa mà thôi đâu. Ngày nào không có người đi tuần khắp các ngả. Họ thấy tôi là đàn bà, lại đi một mình, mà hành lý cồng kềnh, khỏi sao họ không nghi được.

— Nhưng đi lần vào rừng ấy.

Thím Hing nghĩ ngợi, rồi nói :

— Buôn thuốc phiện lậu chỉ nên cầu ở sự may, chứ tính nước khôn ngoan không thể được. Nhưng mình cũng nên thử, chẳng kẻ nọ thì kế kia vậy.

Chú Hing thấy vợ quả quyết, rất cảm động, bèn an ủi :

— Tôi làm cho mình nhọc nhằn. Mình không được an nhàn, tôi rất buồn.

Thím Hing âu yếm nhìn chồng. Bỗng trông vào gương, thím thấy thím gầy và đen đi. Thím đâm lo.

Ít lâu nay, thím biếng phấn sáp. Bộ cánh tân thời, thím gập cất hòm, vì phải lo toan nhiều việc sinh nhai quá.

Chiều hôm ấy, thím bèn chải chuốt, làm lại cái mặt cho chồng yêu, và từ đó, thím không quên rằng thím cần phải là cái hoa cho chồng ngắm nữa.

Nhưng chẳng bao lâu, đôi vợ chồng ấy phải tạm ly-biệt nhau. Thím Hing lên Lao-Kay, định phen này kiếm một chuyến cuối cùng, rồi đổi nghề khác cho đỡ nguy hiểm.

Lần này thì thật vất vả. Thìm Hing đã phải chui rúc, trốn tránh vào rừng rậm, đi mỏi rời chân, xách rã cánh tay để lánh xa con mắt của chuyên trách.

Nhưng càng nhọc nhằn bao nhiêu, thìm càng vui sướng bay nhiêu. Thìm tự cho mình là đảm đang, là bạo dạn. Trong rừng xanh, núi xám, thiếu gì thú dữ, rắn độc, thiếu gì quân gian phi lần lút, tìm kiếm đó đây để bắt người hiếp của.

Thế mà thìm về được Hải-Phòng, bình yên như thường.

Thôi thì tha hồ chú Hing chiều chuộng, yêu quý. Lại được thấy vợ mạnh khỏe đem của về, chú sung sướng, « tủ » mãi số phận.

Thìm Hing giấu sự mệt nhọc, vẫn vui tươi cho chồng đỡ áy náy về mình. Thìm bảo :

— Lối này còn có thể đi được vài lượt nữa.

Rồi thìm tả sự ghê sợ trong những

đêm mù mịt không trăng, thôi phải ngủ gục ở dưới gốc cây mà chờ sáng. Thôi kể nỗi kinh khủng, khi nghe tiếng sột soạt trong bụi rậm ở một quãng rừng đứt có tiếng; thôi lại trợn mắt nói:

— Ấy thế là tôi sứ liều mạng đấy. Những câu chuyện mà tôi nghe thấy người Mán đi kiếm củi họ kể cho tôi mới ghê làm sao!

— Thế nào?

— Cái người Mán tôi thuê xách hộ va-li một quãng, nói ở gần rừng Voi-Phục vẫn có một bọn cướp đường. Chúng nó vớ được ai, thì bóc lột cho kỳ hết.

Thôi Hing nói đoạn, rùng cả mình. Chú Hing cũng rùng mình theo, ngậm ngùi, ngô nghê nói:

— Tôi thương mình lắm!

— Nhưng nghề làm ăn phải thế, biết tính sao? Tôi mà bị chúng nó bắt cóc, thì thật mình hết nước mất.

Hai giòng lệ lóng lánh sông ông chảy xuống má chú Hing.

Thấy chồng thực bụng thương mình, thím Hing sung sướng. Hôm sau, thím bảo chú để thím về quê có việc, rồi thẳng đường lên Lao-Kay một chuyến nữa. Chú Hing can mãi, nói :

— Mình đừng đi Lao-Kay vội, hãy nghỉ cho lại người đã.

Song thím khăng khăng nhất định đi. Thím về thăm mẹ và tậu hai mẫu ruộng.

Ở nhà vài hôm, thím lại đi, nhưng định khi mang thuốc về thì bán ngay ở Hà-nội, rồi được bao nhiêu tiền, thím lấy cả, đem về tậu thêm ít ruộng nữa, và nói dối chồng rằng đã bị bắt và quẳng va-li lại, cốt thảo lấy thân. Thím cần lấy công bằng một chuyến hàng cho bõ những lúc ngày đêm trống ngực.

Sau khi đã giam bán cho một vài nhà và hẹn ngày có thuốc, thím Hing bèn ngược lên Lao-Kay. Rồi cũng như lần trước, thím lại đóng lối cũ, lần lút vào những nơi vắng vẻ...

Rồi một buổi chiều...

Buổi chiều ấy, trời thì nóng, đường thì gồ ghề, khó đi, thím Hing mỏi chân,

đặt va-li xuống, và ngồi nghỉ trên một hòn đá nhẵn. Vơ vẩn, thím bỏi tưởng đến cuộc đời thím từ tấm bé, lúc sung sướng, lúc long đong, thím nhìn hai bàn chân đỏ lên vì đau mà thở dài.

Song thím mừng thầm, còn một quãng đường nữa, thím sẽ tới một làng, thím có thể vào nghỉ trọ nhà người mà thím gặp lần trước.

Thím mở va-li lấy chiếc bánh tây ăn cho đỡ lòng.

Nhưng, than ôi, số phận! Khi ăn xong, thím Hing vừa toan bước chân đi, thì thình lình có người chạy đến ôm chặt lấy, rồi một người nữa nhét giẻ vào mồm, trói chặt chân tay... Đoạn, hai người khênh thím đi.

Thím cựa cạy, vùng vẫng, nhưng sức đàn bà, cự lại sao nổi.

VIII

Món tái bò

Thím tôi bị nhốt vào trong một căn buồng hẹp, cửa đóng kín mít. Tuy không thể cử động được, song quay đầu nhìn hai bên, thím thấy thím nằm trên giường mà cả trong buồng, chỉ có một cái giường này mà thôi. Thím đoán biết cả cách hành động của bọn cướp. Thím tiếc của, thím tủi thân. Song, biết làm thế nào? Thím đã lọt vào tay bọn cường bạo, dễ mà ra lọt được hay sao! Thím cố oắn oài, để mong thừng trói tình cờ tuột mối. Nhưng càng cựa cạy bao nhiêu, thím càng bị dây sắt vào da thịt, làm đau rát, không chịu được. Có lẽ thím đành đem thân để bọn cướp làm

nhục nhã chăng ? Thìm cầu trời
khấn Phật cho chúng chỉ lấy của, rồi tha
người thìm ra, cho thìm lại được trong
trẻo mà về ở với chồng.

Bỗng ở nhà ngoài, có tiếng người xôn xao. Lắng tai nghe, thìm biết rằng bọn cướp sắp uống rượu, để mừng buổi làm ăn may mắn. Nghe và nhận từng giọng nói, thìm có thể phân biệt được những tiếng gọn ghẽ, vui vẻ, hớn hở là của thằng tướng, còn những tiếng lè nhè, những tiếng khê nặc, những tiếng âu táu, là của bọn quân.

Thằng tướng nói :

— Nào anh em! Cơm rượu đã xong, ta cùng nhau đánh chén để mừng tối hôm nay được món tái bò mà bấy lâu tôi khao khát.

Thìm Hing không hiểu món tái bò nghĩa là gì, thì tiếng cười ở ngoài rầm rộ nổi lên, và tiếng nói ồ ạt :

— Rồi anh cho cả bọn anh em cùng hưởng chứ ?

Lại một nhịp cười rau, vui vẻ như pháo ngày tết. Thìm Hing lo, trông ngực thình thình, Thằng tướng nói :

— Thằng nào nhiều công nhất ?

— Tôi !

— Tao !

— Tôi !

Họ thi nhau đáp và tranh nhau nhận công. Một lúc, thằng tướng nói :

— Được, rồi đâu sẽ có đó.

Thím Hing chỉ mong cho chúng nó cãi nhau, rồi giết lẫn nhau, để thím nhân dịp mà thoát thân. Nhưng sự mong mỏi rất hão huyền. Chúng như có ý phục và sợ thằng tướng lắm.

— Thôi, ta hãy biết đánh chén cho say. Mấy lúc trời cho chúng ta được món vừa của vừa người. Ta phải vui mừng mới được.

— Nào, anh em cất chén chúc đám cưới anh Chúa Cut đi thôi.

Dứt lời, bọn họ cầm đũa, ăn nống và nói đùa nhau, cười vang.

Thím Hing nhớ kỹ tên Chúa Cut. Biết được tên chủ đảng cướp và sào huyệt của họ, thím mới có thể liệu báo các nhà chuyên trách để lừa bắt bọn bất nhân sau này.

— Tôi mừng anh chị chén này nhé !

— Đầy vào :

Thím Híng vừa rùng mình, vừa ghê tởm. Thím rưng rưng muốn khóc, nhưng vì quá sợ mà nước mắt không ra được. Nghĩ đến những tiếng đàm cười, tiếng anh chị, thím Híng bỗng thương chồng, người chồng vừa hiền lành, vừa thực thà, vừa yêu vợ. Hẳn là chú không ngờ đâu hiện nay vợ đương bị tai nạn, sắp phải đem thân làm mồi cho một lũ khốn nạn. Mà rồi khi biết nông nỗi này, chú sẽ bị đau khổ ngần nào.

Một lát, muốn chừng ngà ngà say, Chúa Cụt nói ;

— Trong anh em ta, tôi khen nhất anh Năm. Anh là người can đảm ít ai sánh kịp.

Người khác ngắt lời ;

— Tôi đây đã can án tám lần, mà trong tám lần thì ba lần vượt ngục. Thế là tôi hèn nhát hay sao.

— Không, anh Năm hơn bọn ta nhiều. Anh chưa hề can án lần nào. Thế mới giỏi. Ăn cướp mà không bị ngồi tù mới

tài, chứ mỗi bận làm ăn, lại phiền nhà phạ nuôi báo cô bàng vài năm, thì xoàng quá.

— Tôi chưa bị lần nào — chắc là lỗi anh Kim — là do tôi liều. Đối với tôi, một là sống tự do, hai là chết, chứ nếu chịu ngồi tù thì các anh xem, mình mẩy và đầu mặt tôi làm gì được từng này chiếc mề đay.

Nói đoạn, cả bọn cười rầm, rồi anh nào anh nấy khoe những vết thương can-đảm.

Chúa Cụt nói :

— Nếu vết sẹo mà các anh cho là mề-đay, thì có lẽ tôi là người tồi nhất, vì tôi chưa được một thương tích nào.

— Anh nghĩ thế không đúng. Trong anh em ta, chỉ anh là sướng hơn cả. Nếu tôi như anh, có lẽ tôi phải bỏ xác mấy lần rồi, còn nói chi đến việc bị thương nữa. Anh được đời chiều chuộng ngay từ thuở lọt lòng. Không trách anh lấy tên là Chúa thật đúng.

— Ô ! Danh giá gì cái tên người ta đặt đùa cho tôi. Ở trong hỏa-lò ngày trước,

anh em thấy tôi chịu ăn, chịu ngủ và hay khóc, nên chế tôi là Chú ấy chứ.

— Thế lại sao lại là Chúa Cụt ?

— Tôi bé nhất bọn giam tôi ấy, ngây thơ như đứa trẻ lên ba...

Năm bị bắt lần đầu, anh bao nhiêu tuổi ?

— Mười ba. Mà nghĩ lại cái cớ phải bắt và phải tù, đến bây giờ tôi còn tức. Thực là vô lý quá. Tôi bị khép án cướp giật, mà việc ấy tôi không làm.

— Thì cũng không oan. Anh có thực lương thiện đâu.

Những tiếng cười đắc chí nổi lên.

— Mình vẫn biết là không oan, nhưng những lần ăn cắp bắn bọi thì lại không việc gì mới tức chứ.

— Thế tự nhiên anh phải bắt à ?

— Phải. Nhưng sau tôi đoán rằng có lẽ thầy học tôi đi báo, nên tôi bị bắt, để phải trải nhiều nỗi khổ nhục, cho tôi bớt viển vông.

— Thế thì sự từng trải ấy đã dạy anh nhiều điều hay.

— Cố nhiên. Từ đó, tôi rất sợ nhà hỏa

lò. Tôi hết sức tránh xa nó. Nhiều đứa cứ xui tôi nên luôn luôn vào đó mà làm con nuôi, được ăn mà không phải khó nhọc, nhưng tôi chẳng ước ao thế, vì mình có lưỡi đốn như họ đâu.

— Phải, nên kiếm một nghề để nuôi thân, chứ ai lại ăn bám như thế, không coi được.

Họ lại cười như nắc nẻ. Rồi một người nói :

— Tôi chưa được vào hỏa-lò. Tôi chỉ phải ở đề lao các tỉnh nhỏ. Buồn lắm.

Chúa Cụt nói :

— Ở Hà-nội, cái gì chẳng hơn mọi nơi. Trong hỏa-lò, mình gặp nhiều anh em nên cũng thấy thú, như ở nhà cửa. Nhất là tôi không có gia-đình, nên thấy ở đấy thích lắm vì anh em có tình thân mật.

— Phải, người ta bán anh em xa mua láng giềng gần. Mà chẳng có anh em, thì bạn bè cũng có thể coi như anh em ruột thịt.

— Tôi sở dĩ được như ngày nay, là do tôi xuất thân ở nhà hỏa-lò.

Chúa Cụt nói, đoạn cười khanh khách, rồi tiếp :

— Trước kia, mình tưởng suốt đời chỉ là thằng ăn cắp nhãi nhép, chứ dám đâu làm to như ngày nay. Tôi tiếc vì ít chữ, vì tôi không được học, chứ nếu...

— Học chữ làm gì ?

— Nếu chữ nghĩa mình khá khá một chút, thì mình làm ăn dung dị hơn. Thành ra thế này, mình chỉ lấy sự thực để làm việc, cho nên một vài khi, tôi thấy không đủ sức mạnh.

— Chà ! Anh nói ra giọng say rượu rồi. Có học thì đi làm ông nọ ông kia mà kiếm ăn, chứ tội gì làm nghề mạt, vừa vất vả vừa nguy hiểm.

— Thì ý tôi nói thế đấy, ở đời cứ gì bọn ta mới là ăn cướp.

Chúa Cụt đắc-chí cười ha hả, rồi hò rót thêm rượu. Thím Hồng nghe rất chán tai. Thím không rõ vào khoảng mấy giờ. Thím chỉ nhận thấy trăng đã mọc. Ánh sáng đã lọt qua khe liếp, dần dần đặt vào mặt thím. Thỉnh thoảng thím mệt, thím cựa cậy.

IX

Một vài tin tức

SÁNG hôm sau, một tên cướp đưa thím Ling ra khỏi cánh rừng rậm. Gần đến đường quang, tên cướp nói :

— Rồi nhà chị đi một mình, cứ theo lối này quặt sang tay phải thì tới đường nhà nước. Nhà chị phải biết rằng chúng tôi ăn ở có thủy chung. Nếu nhà chi vào tay bọn khác, thì nhà chị không bao giờ được về chỗ quê cha đất tổ nữa. Đanh là nhà chị phải đem xương thịt làm mồi cho thú dữ ở rừng này. Chúng tôi tha và cho tiền tầu chị về, một là để tỏ rằng chúng tôi nhân từ, hai là để cho chị

biết chúng tôi, vì chúng tôi không sợ gì cả.

Thim Hing không nói không rằng, một mạch đi rất mau. Hai bàn chân rát như bị bỏng. Tên cướp lại tiếp :

- Thật đấy, nếu chúng tôi sợ tù tội, chúng tôi chẳng dám tha chị ra. Chúng tôi đoán thừa rằng chỉ nội nhật ngày nay, chị đi báo quan, ma từ chiều trở đi, người ta sẽ lùng bắt chúng tôi... Thôi, chào nhà chị nhé, lần sau, nhà chị chớ dại dột mà qua cánh rừng này nữa nhé !

Thim Hing cun cút, cắm đầu đi, trống ngực thình thình, không dám quay đầu lại...

Đi được vài trăm bước, thim Hing mới yên lòng. Thim quay trở lại không thấy kẻ thù đâu nữa, mới dám ngồi nghỉ ở gốc cây. Thim nghĩ ngợi hồi lâu, rồi lấy vạt áo lau mắt. Thim đã được tên cướp mách cho tên ông quan, nếu ông quan này quả là người quen, thì thim quyết nhờ ông ra tay trị tội bọn bất nhân, cho

người khác khỏi bị vạ như thím. Nhớ lại cái nhục nhã đêm hôm trước, thím rất căm hờn. Thím thương chồng, giận thân và tủi phận. Một lúc lâu, thím Hing đứng dậy, đi một mạch nữa thì tới ga. May lúc ấy xe lửa chưa tới, thím bèn lấy vé xuống ga tỉnh.

Đến nơi, thím vào nghỉ ở hàng cơm, trước dinh quan Bố, và hỏi người chủ nhà:

— Bà làm ơn cho tôi biết quan Bố ngài tên là gì?

Bà muốn vào hầu ngài à? Ngài tên là... Đ. V. T.

Thím Hing mừng rỡ, hỏi:

— Năm nay ngài trạc bao nhiêu tuổi?

— Tôi không biết, vì tôi có rõ mặt ngài đâu. Thỉnh thoảng ngài ra phố, thì ngài ngồi trong ô-tô hòm, chạy vun vút. Tôi chỉ thoáng thấy ngài bẹo béo và không để râu.

Thím Hing cau mặt nghĩ ngợi một lát, rồi lại hỏi:

— Ngài có đông con cháu không?

— Không rõ, nhưng tôi nghe nó cậu cả học ở bên Tây, đâu sắp về.

Thim Hing cố nén sự động tâm:

— Bây giờ hẳn ngài có nhà đấy nhỉ ?

— Không, ngài làm việc trong tòa án, đến gần mười hai giờ mới về.

— Tôi cứ ngồi chờ đã, thì chắc gặp ngài.

— Không, ngài hay đi lối cổng sau, đường gần hơn.

Được biết ngần ấy điều, thim Hing hớn hở, nhìn lên chiếc đồng hồ quả lắc treo trên tường, rồi trả tiền nước và đứng dậy. Thim quành hai phố, hỏi thăm đến cổng hậu dinh quan Bố, thì chờ ở đó. Thim qua lại, đưa mắt nhìn trong hai cánh cửa mở toang, thỉnh thoảng thấy người nhà chạy tấp nập và chốc chốc có những giọng the thé quát mắng. Chắc đó là vợ ông Bố. Thim thở dài, thở thẫn và lò mò, thim đứng lại thử cố chờ để xem mặt quan bà. Nhưng thim chỉ được

ngbe những giọng đài các mà thôi:

— Mặc kệ mày! Tao chỉ cho mày hào ruỡi thôi, mày đem ra quăng vào mặt nó và bảo nó rằng trong này mua, phải tính giá nội.

Tự nhiên thím Hing thấy khinh bỉ và tức bực. Bỗng một người ra dáng vội vã, đi từ trong sân ra. Thím Hing gọi lại, hỏi:

— Này anh, tôi nhờ việc này.

Người kia cau mặt, gắt:

— Không nhờ gì cả. Đang bực cả mình đây.

Nói đoạn, người ấy cắm cổ đi. Thím Hing nhìn theo, thím hiểu cả cách mua bán của nhà quan, nên thím không tiện làm cho người ta vừa phải mắng, lại khó chịu thêm về thím.

Một lát, người ấy về, thím đứng đón ở cổng, nói:

— Anh bếp, làm ơn cho tôi hỏi một tí việc.

Lên người nhà bĩu môi bĩu mỏ, giơ tay nói:

— Bà tính thế có bực mình không?

Muốn ăn thức ngon, lại không chịu mất tiền, thành thử tôi phải bù mất ba xu. Ấy thế mà còn ngờ tôi ăn bớt đấy.

Thím Hing gật gù lấy lòng, nói :

— Bà lớn nghiệt lắm nhỉ !

Anh bếp rợn mắt, thì thào :

— Còn phải nói ! Bà lớn mà như trẻ con thôi, hết năm nay, tôi cũng lậy cả nón.

— Quan lớn bao giờ về, anh ?

Tên người nhà nghiêm nghị ngay lại, hỏi :

— Bà hỏi có việc gì ? Bà ở đâu ?

— Tôi muốn hầu chuyện quan lớn một lát.

Tên người nhà nhìn thím Hing từ đầu đến chân, lại hỏi :

— Bà hầu chuyện việc công hay việc tư ?

— Việc tư.

Đổi ra nét mặt dịu dàng, tên người nhà lễ phép, đáp :

— Thưa bà, thế thì mời bà vào, có bà lớn con ở nhà.

Thím Hing cười, nói :

— Tôi chưa được biết mặt bà lớn. Tôi phải chờ quan lớn về.

— Bà ở đâu à ?

— Tôi ở Hải-phòng.

— Để tôi vào bẩm với bà lớn. Mời bà cứ vào, bà lớn tôi rất dễ dãi.

— Không, tôi cần gặp quan lớn kia.

Tên người nhà ngần ngừ một lát, rồi nói :

— Thế thì không may cho bà. Quan lớn tôi tan hầu ở tòa ra, thì lại đẳng quan Phán Vinh ăn cơm, rồi đi thẳng Hà-nội, ngày kia mới về sớm.

Thím Hing thất vọng, hỏi:

— Hiện bây giờ, chắc ngài còn ở trong tòa.

Tên người nhà lắc đầu :

— Bây giờ thì quan tôi đến nhà quan Phán rồi.

— Nhà quan Phán ở đâu ?

— Bà lại đẳng ấy không tiện, vì hôm nay đông quan khách. Mời bà cứ vào, trong nhà cũng được.

Thím Hing ngần ngừ, rồi vẫn vơ nói

— Tôi cảm ơn anh, tôi có nhà quen ở ngoài phố, tôi chờ quan lớn về, rồi vào hầu cũng được.

Tên người nhà chào thím Hing, vừa đi vài bước, đã bị gọi giật lại :

— Này anh bếp, anh nói thực nhé, bà lớn ác nghiệt lắm à ?

Tên bếp nhìn thím Hing như có ý nghi ngờ điều chi, rồi đáp:

— Thưa, không ạ.

Thím Hing cười, nói :

— Anh đừng sợ tôi, tôi không quen bà Bố đâu. À, cậu cả đi Tây học, tháng nào thì về nhỉ ?

Tên bếp càng ngạc nhiên, đáp :

— Cậu con mới đỗ, đã xuống tầu được hơn tuần lễ.

Thím Hing mừng rỡ, nhưng cau mặt, vờ hỏi :

— Bà lớn có yêu cậu cả không ?

Tên bếp cười :

— Bẩm, bà lớn con chiều cậu con lắm. Chẳng thế, cậu con xin gì, bà con cũng giấu quan con mà cho.

— Anh có biết mặt cậu cả không ?

— Có!

— Cậu cả giống quan lớn bay bà lớn?

— Giống bà lớn như lột.

Thím Hing biến sắc mặt, ngạc nhiên tự nhiên thốt lên hai tiếng: « Quái nhỉ! » Rồi thím thở dài rất mạnh, bâng khuâng như người lạc đường. Thím toan hỏi vài câu nữa, song anh bếp đã chạy vào lúc nào mất rồi.

Thím Hing bối rối, thẫn thờ. Quả là thím bị loạn trí. Thím bước chân đi mà không định bước đi đâu.

Loanh quanh được vài phố, thím Hing bỗng thấy một hiệu sách, thím sực nghĩ ra, mới vào mua giấy, và ngồi một chỗ riêng ở đó để viết một bức thư gửi cho ông Bố Đ. V. T.

Thưa quan lớn,

Tên tôi là Trần-thị-Hương, mà hai mươi năm về trước, người ta vẫn gọi là con Hương Con.

Hẳn quan lớn nhớ ra tôi rồi.

Thế thì bây giờ, tôi xin nhờ quan lớn nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ mà tất lực

xét cho tội mọi việc:

Nguyên từ ngày mẹ tôi chết nhà ở tôi sa sút, tôi mới phải lấy một người khách tên là Sường Sing, làm tài công ở Hải-Phòng. Ngót mười năm nay tôi an phận với chồng tôi, nhưng chẳng may mới đây, chồng tôi mất việc làm, nên tôi phải nay đây mai đó, buôn bán ngược xuôi để kiếm ăn.

Ngày hôm kia, khi qua quãng rừng Voi-Phục, tôi bị một bọn cướp đồ ra bắt trói. Chúng lấy hết cả hàng hóa, và giữ tôi lại một đêm, làm tôi đê nhục, đến sáng hôm nay mới thả cho về, mà trước khi cho tôi được tự do, chúng còn dám ngạo mạn mà thách cả tôi đi trình báo quan lớn.

May cho tôi được gặp quan lớn cai trị ở hạt này, vậy tôi nhờ tay quan lớn trói nã và trị bọn chúng nó. Chúng nó lẩn lút ở cánh rừng Voi-Phục cả thảy sáu đứa. Thằng đầu đảng tên là Chúa Cụt. Nếu quan lớn có cần đến tôi, tôi xin thân hành đi hướng dẫn.

Xin quan lớn hết lòng cho tôi việc

này, và xin quan lớn tha lỗi cho tôi dám viết giấy này đến quan lớn.

Tôi đã chờ để được hầu quan lớn song tôi hỏi thăm, thấy nói quan lớn đi dự tiệc và xuôi ngay Hà-nội. Vì vậy không thể chờ lâu, tôi đánh bạo viết thư này, tuy nó không phải tá đơn song tôi biết rằng quan lớn bao giờ cũng nhân từ, quảng đại, và sẵn lòng tha thứ cho tôi.

Sau hết, tôi xin chúc quan lớn thăng quan tiến chức, bà lớn mạnh giỏi, và mừng cậu cả du học thành tài. Tôi, mong cho cậu gì đó cũng trông gương cậu cả, học hành chăm chỉ.

Nay kính thư,

TRẦN-THỊ-HƯƠNG
tức HƯƠNG CON

Viết xong, thím Hing đọc đi đọc lại nhiều lần, rồi ngồi thừ người, có vẻ âm thầm giận dữ. Thím mua phong bì tem, đề cho ông Đ. V. T. và bỏ thư vào trong, dán lại.

Thím hỏi thăm đường ra nhà Bưu-điện, đứng trước thùng thư, dằn đo một lát,

rồi tặc lưỡi, thim lẩm bẩm :

— Nếu thư này không có kết quả, thì con người ấy thật là bạc.

Đoạn, thím lách chiếc phong bì vào miệng thùng thư, bỏ rơi tọt vào trong, rồi hớn hở thuê xe ra ga, đợi chuyến xuôi về Hà-nội.

X

Trong phòng dự-thẩm

CHIẾC xe nhà sơn quang dầu đỗ ở thềm tòa án, ông Bố Đ.V.Đ. thong toả bước xuống đất, theo dọc hiên nhà, đi thẳng tới phòng dự-thẩm là nơi ông làm việc.

Theo lệ thường, đến giờ ấy, người thư ký riêng của ông đã đợi sẵn. Ông cởi cái áo sa, vắt lên mắc, rồi ngồi vào bàn, hỏi:

— Thế nào, có gì không?

Câu ấy xưa nay ông vẫn dùng quen để hỏi xem các báo mới nhận được, mà người thư ký phải đọc xem có đăng gì đính dáng đến công việc trong tòa án hay không. Người thư ký như cái

máy, đáp :

— Bẩm không.

Đoạn, người ấy lấy kéo cắt mép ba lá thư và để trên bàn, trước mặt ông. Ông Bố nhìn qua nét chữ ở các phong bì để xem cái nào nên đọc trước, thì ông mở ngay thư của con ông ở bên Pháp gửi về. Ông đưa mắt qua loa mấy giòng đầu, rồi nói một mình :

— Người đã đi gần đến nhà rồi thư mới tới. Đây là cậu bỏ vào thùng Bưu-điện trước khi xuống tầu.

Người thư-ký đáp :

— Dạ.

Chắc trong thư không có việc gì quan hệ, ông Bố đọc xong, rồi đưa người thư ký :

— Bỏ vào cặp, chốc nữa trình bà lớn.

Hoạn, ông mở đến bức thư của bạn ông ở Hà-nội. Vừa xem, ông vừa cười, vừa nói :

— Chó chết. Như thế mà không mua, có phải thiệt không.

Rồi ông nhìn người thư ký. Người

này tuy không hiểu, nhưng cũng tầm tìm, đáp :

— Dạ.

— Thế là mất không ngót trăm hai bạc đấy nhỉ :

— Dạ.

— Xé đi.

Ông đưa tờ giấy đã vò nát cho người thư ký và cầm bức thư ba. Nhìn chữ đề bì, ông chán nản, vì biết rằng thư này là của một người lạ. Chắc lại một tên dân nào muốn khiếu-nại điều chi, làm ông phải bận bịu thêm công việc. Ông khó chịu. Song, ông cũng phải đọc. Bỗng ông biến sắc mặt, liếc mắt đưa lên nhìn người thư ký, và bảo :

— Hãy cho ra.

Người thư-ký chỉ chực đó để sẵn sàng đáp bằng những tiếng dạ, mỗi khi thấy ông đọc thư và chêm vào những câu không tài nào hiểu được. Lần này thì ông không nói gì cả. Hai nét răn trên trán ông nổi rõ lên ; rồi gập thư bỏ vào túi, ông vắt chân chữ ngũ, ngồi thừ người, một tay chống vào

cằm, một tay gõ cả năm đầu ngón vào thành bàn để đánh nhịp. Đó là một thói quen, khi ông có điều gì phải nghĩ ngợi quá mà đâm lo.

Nhưng hai mắt ông vẫn lóng lánh.

Một lát, đô năm phút, hai nét răn trên trán mờ dần, ông bắt đầu rung đùi, và há méo mồm để gãi chỗ cằm sáng nay chưa cạo kỹ. Lúc ấy là sự lo âu gần tiêu tán hết.

Bỗng chiếc ghế gỗ lùi giật lại sau, rít mạnh bốn chân xuống gạch, nghe giật mình. Ông Bố đứng phắt dậy, ra mở toang hai cánh cửa chớp, rồi lại ngồi trên ghế. Ông móc túi, lấy tờ giấy ban nãy để đọc lại, và trong khi ấy, tay ông tần mần nâng gáy khăn dần dần lên gần đến đỉnh đầu, rồi cứ để nguyên thế; mỗi khi nghĩ xong việc gì, ông thường thấy đau nhoi nhói ở thái-dương. Đoạn, ông gọi:

— Sinh!

Người thư ký vội vã chạy vào. Ông hỏi:

— Hôm kia, ở nhà có khách nào đến

không ?

Sinh ngơ ngác nghĩ, ông Bố nói :

— Người đàn bà lạ ở Hải-phòng ?

— Bẩm không.

Ông Bố trầm ngâm và bất hàm :

— Ra hỏi thằng xe.

— Bẩm, anh ấy về rồi.

— Được, không hề gì.

Rồi ông nói một mình :

— Bọn chúng nó hoành hành dữ quái Mà không biết lúc mình bắt được, mình có ăn thua gì không, hay lại công toi !

Người thư ký đáp :

— Dạ

— Sinh ! Biên vào sổ tay cho tôi : « Khoản thứ hai. — Chúa Cụt, rừng Voi-Phục », nghe chưa.

Rồi ông Bố lại lẩm bẩm :

Làm việc mà không ai biết hoặc mà người ta không nhớ cho, thì làm làm gì.

Nói xong, xé nhỏ bức thư, vứt vào sọt giấy, vui vẻ xoa hai bán tay, rồi mở tập hồ-sơ để trên bàn, vừa ngáp

vừa xem lại bản khẩu cung lấy đở từ hôm trước. Bỗng có tiếng gõ cửa, ông Chánh-án vào.

Hai ông quan lớn bắt tay nhau, ông Án nói :

— Tôi thấy bên tòa nói chuyện chiều hôm qua đâu cụ sắp phái quan lớn đi bắt bọn cướp trong Voi-Phục, quan lớn đã biết tin ấy chưa ?

Ông Bố sửng sốt, ngạc nhiên đáp :

— Chưa.

— Vì có một bức thư của con mẹ Khách bị hiếp người lấy của đưa đến tòa, nên cụ bảo nhất định trừ tiệt quân gian ấy.

Ông Bố quắn mặt, vuốt cả ngực lẫn bụng :

— Tôi độ này thấy trong mình yếu lắm thì tuần thế nào được lệnh ngài. Có lẽ tôi phải xin phép đi Hà-nội, nhờ đốc-tờ xem bệnh gì mà kém ăn kém ngủ quá.

— Nhưng cụ đã bảo, ta khó lòng cưỡng lời. Bọn cướp này bạo ngược, nếu không trừ ngay thì chúng còn

ngày nào, tai hại cho dân ngày ấy. Tôi tưởng phi quan lớn, không ai bắt nổi.

Ông Bố cười lạt :

— Quan lớn dạy lẫn ! Chắc cụ cho tôi công việc nhàn hạ lắm nên phải đi, chứ quan lớn tính, tôi có lúc nào rỗi đâu. Trên bàn, lúc nào giấy má cũng ùn lên, làm không xuể.

— Quan lớn không nên từ chối, để cụ không bằng lòng. Cụ đã phó thác cho công việc nặng nề, khó khăn, ắt là cụ đã suy xét, biết tài bắt cướp của quan lớn.

— Đành vậy, nhưng tôi muốn nghỉ ít lâu... Thôi, để nhường quan lớn việc này nhé.

— Nhưng quan lớn giúp tôi một kế nhé.....

Ông Bố cười :

— Khó gì mà phải mưu với kế. Nếu muốn bắt bọn cướp ấy, chỉ bằng ta cứ thả mỹ-nhân ra. Ở đời, việc gì mỹ-nhân không làm nổi.

Ông Chánh-án rất phục, vỗ đùi khen :

— Ừ nhỉ, đó là một cách rất thường dùng mà bao giờ cũng có kết quả, vậy mà lần này tôi không nghĩ ra. Và bọn cướp chỉ lấy của hiếp người, chỉ bằng ta cũng thả người thả của cho chúng nó vào cạm.

— Phải, mà mình cũng chẳng cần bước chân tới sào huyệt chúng. Ta phái đứa đi thám thính, biết bọn chúng nó ngần ấy người và khí giới những gì, thế là cứ thả đàn bà và giữ chặt chúng nó vào một nơi; khi ấy mà vào bắt, quyết là không khó nữa.

— Vâng, nhưng nếu dễ thì mấy lần trước chúng nó cũng chẳng thoát. Thấy chúng nó sống dai được đến ngày nay, trốn tránh được bao nhiêu lần bắt bớ, thì mình cũng nên cẩn thận lắm mới được.

Ông Bố lắc đầu:

— Mình nên lấy sự can đảm làm đầu. Mình đừng sợ nó. Bao giờ gian cũng phải sợ ngay. Lúc nào mình cũng phải in sâu vào óc rằng mình thay mặt pháp luật, đi làm ích cho người lương

thiệt, và mất lưỡi pháp luật rất nhỏ, kẻ gian phi không chui lọt ra ngoài được.

Ông Chánh-án cười, nói đùa :

— Vâng, quả thế, đến ngay người lương thiện mất phải lưỡi pháp luật cũng khó lòng ra được lưỡng chi kẻ gian !

Mai ông quan đắc chí, cười ba hả.

Rồi tự nhiên, ông Chánh-án sực nghĩ ra một điều, hỏi :

— À quan lớn có quen con mẹ khách ấy không ?

Ông Bố ngạc nhiên, hỏi :

— Con mẹ nào ?

— Con mẹ bị mất cướp, nó làm giấy trình cụ ấy.

— Không.

— Quái, ở bên tòa họ nói rằng trong đơn nói có quen biết quan lớn, và xin cụ cho quan lớn đi truy nã bọn gian.

Ông Bố cúi mặt, hai tay gãi trán để che mắt một lát, đáp :

— Cái lối ấy, dân họ hay làm lắm. Chúng nó tưởng quen ông quan ấy, ông quan nọ, thì là người có thế lực, quan

trên sẽ nể và tất lực cho. Chứ có biết đâu rằng...

— Phải, mình tất lực là vì mình làm việc cho mình, chứ ai làm đầy tớ chúng nó !

Bỗng tên cô-loong toong vào đưa cho ông Bố bức thư. Ông Bố xem xong, mỉm cười, nhìn ông Chánh-án, nói :

— Cụ gọi tôi về việc ấy, tôi phải vào hầu để cụ dặn dò.

— Nhưng quan lớn cố từ chối nhé.

— Tôi xin hết sức từ chối và để dành việc cho quan lớn.

Nói đoạn, ông Bố nhanh nhẩu vớ cái áo sa, vừa đi vừa gài khuy. Ông Chánh-án nhìn theo, chan chứa hi vọng.

Độ một giờ sau, ông Bố về, vào buồng giấy ông Chánh-án, lắc đầu, buồn bã nói :

— Nhất định cụ không nghe cho tôi ở nhà. Tôi nói mấy hôm nay tôi sốt, mà cụ cũng mặc kệ. Cụ cho tôi một hộp thuốc bổ, bắt tôi tiêm ngay, rồi chong mà đi. Cụ bảo việc bổn phận, phải lấy lương tâm mà làm, không được viện cớ gì mà từ chối.

— Quan lớn không dặn dò gì đến tôi ?

— Có, nhưng cụ bảo quan lớn nhiều việc quá rồi, không muốn bắt quan lớn phải bận rộn thêm nữa.

Nói đoạn, ông Bố sang phòng dự-thẩm, cho người thư ký về trước và dặn :

— Nếu ở nhà có người đàn bà nào lạ mặt thì phải đến bẩm với ta ngay.

Rồi ông đóng cửa buồng giấy, cởi áo, nhấc khăn ra, ngồi khoanh hai tay trước ngực, yên lặng như bức tượng.

XI

Dự-thẩm

TRONG phòng án, ông Bố nghiêm trang ngồi làm việc. Người thư ký riêng sắp sẵn giấy bút để biênkhẩu-cung tên Chúa Cụt, đã bị sa vào lưới pháp luật.

Vụ bắt bớ quan trọng này làm sôi nổi cả dư luận. Các báo đăng tin ấy, không tờ nào không in ra hàng cột, kể những tội ác của tên đại bợm, và khen tài ông Bố-chánh Đ. V. T.

Cửa phòng dự thẩm mở rộng. Hai người lính giải Chúa Cụt bị xích tay vào. Ông Bố đưa mắt nhìn tên tướng cướp, rồi cười một cách mỉa mai.

— Bây giờ hẳn mày hối hận lắm ?

Chúa Cụt vẫn thản nhiên, nét mặt

cương quyết, ngẩng đầu ngắm khắp phòng, không đáp.

Hai tên lính đứng hai bên cửa, thấy Chúa Cụt có vẻ xấc láo, thì nổi cơn giận, định chạy lại toan giơ tay tát, song ông Bố xua tay bảo:

— Cho các anh ra ngoài.

Đoạn, ông nhìn trừng trọc vào mặt Chúa Cụt. Hai mắt ông quắc lên, tưởng chừng như cố lấy hết uy vệ để thu hết can đảm của tên cướp.

Một lát, ông hỏi:

— Tên mày là gì?

— Bẩm, tên con là Chúa Cụt.

Ông Bố nghiêm mặt:

— Tên thật kia.

— Bẩm, là Sửu.

— Họ gì?

— Nguyễn-văn-Sửu.

— Bao nhiêu tuổi?

— Hai mươi mốt.

— Nơi sinh?

Chúa Cụt ngây mặt, không đáp. Người thư ký dừng bút, ngẩng đầu hỏi:

— Để ở đâu?

— Tôi không biết.

Cau đôi lông mày, người thư ký dõng dạc nói :

— Khai cho thật, cụ lớn sẽ thương tình mà giảm tội cho.

— Bẩm thật, tôi không biết.

Ông Bố hỏi :

— Tên cha, tên mẹ ?

Chúa Cụt đáp :

— Bẩm, con không biết.

Ông Bố nhìn người thư-ký, bĩu môi, giơ hai cánh tay lên, tỏ ý thất-vọng :

— Cái gì cũng không biết ! Kệ nó, hơi đâu mà vặn mãi !

Người thư ký đáp bằng tiếng « dạ » mọi khi, rồi loay hoay biên. Ông Bố hỏi Chúa Cụt :

— Mày đã bị bắt, thế nào cũng phải khai thực, nghe chưa ! Hễ còn chối không biết, thì mày sẽ biết.

Chúa Cụt mỉm cười, thản nhiên đáp :

— Bẩm, con chỉ đáp được những điều con biết.

— Mày đã can án mấy lần ?

— Bẩm một.

— Tội gì ?

Con không biết.

Ông Bố nộ khí xung thiên, đập, mảnh đá chặn giấy xuống bàn, ngầu ngầu đôi mắt nhìn Chúa Cụt, quát :

— Ăn cắp, ăn trộm, giết người, hay hội kín ? Hay mày lương-thiện như tao mà phải tù ?

— Bẩm, con bị đổ oan là ăn cắp.

Ông Bố vẫn còn giận :

— Oan ! Phải, oan ! Mày can án năm nào ?

— Năm con mười ba tuổi.

Ông Bố bĩu môi, ngắm nét mặt Chúa Cụt :

— Hết hạn tù ăn cắp, mày đi ăn cướp ! Mày đã tụ họp nhiều người trong cánh rừng Voi-Phục để lấy của, hiếp người, phải không ? Mày làm chủ bọn ấy. Không khai cho thực, thì hai mươi năm tù !

Chúa Cụt im, không đáp. Ông Bố hỏi :

— Đảng mày còn những đứa nào chưa phải bắt ?

— Bẩm, chúng con có năm đứa, đều bị giải cả rồi.

Ông Bố nhác thấy trong ngực Chúa Cụt có vết chàm vẽ, bèn bảo người thư ký:

— Cởi khuy áo nó ra.

Rồi ông lấy cái thước dài, đưa theo từng nét của cái mặt nổ-phù châm chàm trên lần da xám của tội-nhân. Ông hất hàm, hỏi thêm để giải trí:

— Cánh tay mày có gì không? Khiếp thực! Quân này mà không bị làm tội nặng, thì đời còn bị tại hại!

Người thư ký cởi tuột cái áo ra. Hai cánh hoa đối nhau trổ rất công phu trên bắp thịt mập mạp. Đoạn, ông Bố đứng dậy, với nhìn chân Chúa Cụt. Người thư ký vội vén quần tên cướp lên. Nhưng lần này, ông Bố không hỏi và nói thêm câu gì, tự nhiên hai nét răn trên trán ông lờ mờ hiện ra. Mà hình như ông bối rối. Ông mốc túi, lấy hộp thuốc lá ra, đánh diêm, châm hút một điếu, rồi bỗng ông hỏi:

— Tại sao tên mày là Chúa Cụt?

Chúa Cụt nhìn chân mình, đáp :

— Bẩm, tại chân con cụt một ngón.

Ông Bố đăng hắng, như để thở dài, hỏi :

— Vì sao mày bị cụt ? Ai chém mày ?

— Bẩm, con không biết.

Người thư-ký gắt :

— Cái gì cũng không biết !

— Tôi không biết thật, vì chân tôi nó như thế từ thuở bé

Ông Bố lặng thinh, hút ba bốn hơi thuốc lá liền, rồi bảo người thư-ký :

— Ra mở rộng cánh cửa.

Đoạn, ông mở rộng cổ áo sa, và đặt khăn xuống bàn, nhìn trước nhìn sau có vẻ bứt rứt. Một lát, ông dịu dàng, hỏi :

— Tại sao mày phải đi ăn cướp ? Sao không kiếm một nghề lương thiện mà làm ăn ?

Chúa Cụt mỉm cười :

— Bẩm, tại con dòi, đối với con, nghề nào nuôi được thân là lương thiện với con cả.

Người thư ký chấm mực, ông Bố gi-

tay ngăn :

— Khoan, đừng biên vội.

Rồi ông hỏi :

— Ai dạy mày làm những tội ác ?

— Bẩm quan lớn, chẳng ai dạy con hết. Mà dễ thường chính con dạy con, vì nếu không ăn cướp con sẽ chết đói.

Người thư-ký cau mặt, tặc lưỡi vài cái, tỏ ý khó chịu, mắng :

— Ăn nói cho lễ phép !

Ông Bố tặc lưỡi :

— Mặc nó. Ta muốn biết sự thực thì để vậy cho nó nói.

Người thư ký lẩm bẩm :

— Lại còn giở văn chương !

Ông Bố nói :

— Mày ăn nói như người có học, biết suy nghĩ. Nhưng muốn sống một cách hẳn hoi, thì ở đời thiếu gì cách, sao mày lại chọn nghề ăn cướp ?

Bẩm, con cũng biết nghề này rất nguy hiểm, mà ở đời còn bao nhiêu cách kiếm ăn tử tế, song vì đời không cho con được ăn ở hiền lành, nên bất đắc dĩ con mới phải ăn cướp.

— Mày nói lạ !

— Bẩm thật, con đã đi ở mà người ta không nuôi, con làm gì người ta cũng không cho làm. Gia đình nào cũng bất hủi con. Vậy thì người đời chẳng tử tế với con, tất con, phải là kẻ thù của người đời, bắt buộc người đời phải cho con những thứ cần để sống.

Người thư ký lại tặc lưỡi. Ông Bố khoan thai nói :

— Thủa bé, mày có đi học không?

— Bẩm có, nhưng chẳng được mấy hột chữ. Con phải bỏ học, vì con bị người ta đuổi con đi.

— Người ta là ai ?

— Là người nuôi con.

— Tức là cha mẹ mày ?

— Bẩm quan lớn, con không có cha mẹ.

Ông Bố tái mặt, Chúa Cụt nói tiếp :

— Bởi vì nếu con có cha mẹ thì quyết con không đến nỗi phải thế này.

Chúa Cụt cảm động, chớp mắt luôn mấy cái. Ông Bố như cũng thương tình, thở dài.

— Thế mày ở với ai ?

— Con ở với những người chưa biết cõi rễ con. Nhưng đến khi biết con thì không nuôi con nữa.

— Tại làm sao ?

— Con không biết. Nhưng chắc rằng người ta cho con là cái giống xấu xa ghê tởm, cái giống có máu của người đẻ ra con.

— Ai đẻ ra mày ?

— Bẩm quan lớn, nào con có biết ! Người ta nhặt được con ở miếu mà bây giờ con quên tên.

Điếu thuốc lá ông Bố đang cầm ở tay tự nhiên rơi xuống bàn. Mầu tàn long ra, rời rạc, rồi bay tản loạn trên mặt tờ giấy thấm rộng. Người thư ký cởi vâng phồng mồm, thổi phù phù và giụi lửa thuốc lá đi. Ông Bố cau mặt, hỏi :

— Mày biết rõ thế à ?

— Vâng, vì con được nghe rõ câu chuyện. Mẹ con đã không nhận con ngay từ thuở con lọt lòng. Cha con đã trành mặt con ngay từ thủa còn ở trong bụng. Vậy hai người làm ra con

sộn độc ác thế, trách gì người đời làn nhẫn với con. Người ta làn nhẫn, vì người ta chắc cũng có máu độc ác của cha mẹ lẻ ra con.

Ông Bố thở dài, sai người thư ký ra phố mua một vài thứ. Đoạn, ông ngồi xích lại gần bàn, khoanh tay nói:

— Nhưng đời này thiếu gì những đứa như mày mà sau này nên người khá giả.

— Sự đó con không được biết, con chỉ rõ riêng có đời con. Con sở dĩ phải ăn cướp, hiếp người lấy của, làm nên những việc bất đắc dĩ ấy, đến nỗi nay mai phải tù tội, là do tại cha mẹ con. Bởi vì nếu con ở với cha mẹ con, thì đâu con đã phải khổ sở. Nếu cha mẹ con nghèo đói, thì con cũng sung sướng mà chịu nghèo đói, nếu cha mẹ con phong lưu hoặc giầu có, thì con được học hành, dù chẳng có ích cũng không đến nỗi có hại; chứ quyết con không phải bơ vơ xó chợ đầu đường, tính kế sinh nhai bằng cách mà quan
Tòa cho là gian ác, phải đặn lưới pháp

luật ra để bắt tội.

Ông Bố mỉm cười. Chúa Cụt nói tiếp:

— Vậy thì cha mẹ để con làm con nên gian ác. Sở dĩ ngay từ thuở bé, con bị người đời ghét bỏ, ghê tởm, chẳng qua là người ta ghét, người ta ghê cha mẹ con, chứ con đã làm gì nên tội lỗi! Thì ra cha mẹ con để con ra để con chịu thay tội lỗi, cho cha mẹ con được hưởng sung sướng, lấy tiếng là hơn thiện với thế gian.

Ông Bố lại mỉm cười:

— Chắc đâu! Thế sao mày không tìm cha mẹ mày?

— Bẩm quan lớn, người ta đã cố trốn tránh con thì con tìm sao được. Vì thử con có đứng trước mặt cha mẹ con, hỏ dễ cha mẹ con đã nhận!

Ông Bố cúi sầm mặt xuống bàn, rồi lại nhìn trừng trực vào mặt Chúa Cụt, hỏi:

— Xem ra, mày oán cha mẹ mày lắm?

— Vâng, bởi vì cha mẹ con ích kỷ, vô nhân đạo!

Ông Bố xám mặt, cúi xuống gãi chân,

coi bộ rất luống cuống, Một lát, ông mớ nói :

— Thế ngộ nay mai có người nhận mày là con thì mầy...

Chúa Cụt cười, rắn rỏi cướp lời :

— Bẩm quan lớn, khi nào con chịu nhận ai là cha mẹ nữa ! Con là đứa con hoang của xã hội. Xã-hội đẻ con, xã-hội dạy con !

Thấy có bóng người ngoài cửa, ông Bố ngăn :

— Thôi, thôi !

— Bẩm, thật thế. Thuở bé, con rất hiền lành...

— Thôi !

Người thư ký bước vào. Ông Bố ngồi nghiêm trang lại, nói :

— Mau, tôi chờ mãi.

Đoạn, nhìn Chúa Cụt, ông nói :

— Mày đã làm một việc vô nhân đạo đối với một người đàn bà !

Chúa Cụt lại mỉm cười :

— Bẩm quan lớn, đó là trời quả báo người ấy.

Ông Bố vội vàng giơ tay ngăn, cuống

quýt :

— Khoan ! Khoan !

Dứt lời, ông hất hàm, bảo người thư ký ra ngoài một lát và đóng cửa lại, rồi ông run run khẽ hỏi Chúa Cụt :

— Mày bảo trời quả báo người ấy. Thế mày có biết người ấy bao nhiêu tuổi không ? Mày có biết người ấy là thế nào không ?

Chúa Cụt ngơ ngác đáp :

— Bẩm, những cái đó con không cần biết.

— Vậy sao mày bảo trời quả báo ?

— Vì người ấy đã làm một việc trái pháp luật.

— Trái pháp luật ?

— Dạ. Người ấy buôn thuốc phiện lậu.

Ông Bố thở dài thật mạnh và thật nhanh, như đã trút được nỗi lo âu. Song, tự nhiên ông lờ đờ nghĩ ngợi. Một lát, Chúa Cụt nói tiếp :

— Như vậy, tức là nó bị quả báo.

Ông Bố ôm trán, cau mặt, vân

vẻ sải quản bút, rồi ông gọi:

— Sinh!

Người thư ký rón rén vào, ông bảo:

— Gọi hai tên lính hầy dẫn tên này vào nhà pha. Hôm nay, tôi thấy khó ở lắm, chưa bỏi được điều gì cả. Bận khác hầy biệu cung.

Nói đoạn, ông lử thử đứng dậy, mặc áo, gài khuy, rồi lơ đễnh đi ra, đến nỗi người thư ký phải nhắc:

— Bẩm, khăn ạ.

XII

Một bức thư

Ông Bố bơ phờ như người mất trí. Bữa cơm sáng hôm ấy, ông không ăn, nói rằng nhức đầu và gây gây sốt, rồi ông bảo đóng các cửa buồng ngủ để đi nằm.

Bà Bố sai luộc trứng để đánh gió, và cho đi lấy thuốc giải cảm, nhưng ông nhăn mặt, gắt :

— Để tôi yên tĩnh nghỉ ngơi.

Ông không muốn nghe một tiếng động, mà nhất không thích cho một ai qua lại chỗ ông nằm. Bởi vì ông không tiện tả cho người khác biết ông phải bệnh gì. Ông thở dài và trằn trọc luôn. Rồng nằm vắt tay lên

trán, - duỗi thẳng hai chân, bỗng ông vùng ngồi dậy, bứt rứt, gãi đầu, nhìn xung quanh, đặt cái chén đang ở đĩa ra bàn, rồi lại bầy vào đĩa. Ông đưa đi đưa lại hai cẳng chân, chán rồi ông rụng đùi, đoạn lại nằm, vắt tay lên trán, thở những tiếng rền rĩ.

Bà Bố rất lo lắng. Trước thì bà cho rằng ông phải cảm, nhưng thỉnh thoảng ngó vào buồng, thấy dáng điệu chồng thì bà lại sợ hơn, vì đoán chắc ông bị ma làm. Ở nơi rừng thiêng nước độc, thiếu gì các vị thần linh, ma dại thờ trong cái túp con con đã vật chết biết bao người vô ý. Bà hỏi đò những lính tráng đã đi hầu ông, xem ông qua những chỗ nào có thờ tự, để bà giấu ông, sửa lễ tạ.

Buổi chiều, ông xin phép nghỉ, không ra tòa. Bà Bố rón rén đến cạnh ông, quạt phầy mấy cái vào lưng và dịu dàng hỏi :

— Bây giờ ông thấy thế nào ?

Không đáp, ông chỉ thở dài. Bà Bố lại hỏi :

— Ông xơi cháo nhé ?

— Thôi, tôi có đói đâu.

— Ông thấy trong mình thế nào ?

— Tôi không có bệnh tật gì cả. Bà đừng lo ngại. Ở tòa ra về, tự nhiên tôi nóng ruột, có thế thôi.

Bà Bố ngồi ngợi một lát, rồi hỏi :

Quái, mà tôi từ nãy cũng bồn chồn cả người. Này ông ạ, cả bây giờ nó đến đâu rồi nhỉ ?

Ông Bố cười :

— Không, nó đi tầu hai ông khỏi, đến bến nào nó cũng đánh dây thép về cho nhà yên tâm.

— Thế sao cả ông lẫn tôi cùng ruột gan sôi nổi thế này ?

Ông Bố ngồi nhồm dậy :

— Làm cha mẹ hay thắp thỏm vì con ở phương xa, chứ thực nó vẫn bình yên như thường.

Bà Bố lươi tỉnh nói :

— Thực vậy, ở bên ta thì không có trường cho nó học, mà nó sang Tây, mình áy náy từng ngày. Chẳng hay xa nhà xa cửa, nó có được sung

sướng không ?

Ông Bố cười gượng :

– Mình có tiền gởi sang cho nó luôn việc gì nó phải khổ!

Nói đoạn, ông thở dài, rất ngao ngán. Bà Bố đắc chí, nói :

– Thời buổi này, không có tiền cho con đi học đến nơi đến chốn, thì khó lòng mong cho nó làm nên.

Rồi bà chép miệng, nói tiếp :

– Đấy, thằng Tích con chú Cửu, giá cứ nghe ông, để nó sang Tây, có phải bây giờ cũng cử-nhân rồi không. Chú ấy cứ về, nhà này nuôi bao nhiêu đứa đi Tâyhọc chẳng được.

Tự nhiên, ông Bố lờ đờ, nằm lả xuống, dáng rất mệt nhọc. Bà Bố lại nói :

– Chú ấy cho là mình đẻ con ra, mình mới thiết cho ăn học... Thì nhân tâm ai chẳng vậy, con đẻ ra chẳng quý thì sao ?

Ông Bố nhăn mặt, nói :

– Bà đừng nói chuyện, cho tôi nằm yên.

Bà Bố cười, vừa đứng dậy vừa nói :

— Đề bây giờ nó lông bông, coi không khéo thì hư hỏng đấy.

Ông Bố chờ vợ ra và khép ghịt cửa, rồi mới đập hai chân xuống giường mà kêu thật to:

— Trời ơi! ..

Đoạn, ông rên hừ hừ như người ốm nặng.

Một lát, ông thò tay lên đầu giường, bấm chuông gọi. Tên người nhà khẽ mở cửa, bước vào. Ông bỏi:

— Bà đâu?

— Bẩm, bà con nghỉ bên buồng.

— Tao cần ngủ từ bây giờ đến năm giờ chiều, không đứa nào được qua lại gần đây. Bà dặy, mày cũng bẩm thế.

Tên người nhà lui ra, ông Bố đứng dậy, đi khóa cửa buồng, rồi ngồi ở ghế, trước bàn viết. Ông ôm trán hàng mươi phút, mới mở ngăn kéo, lấy tờ giấy rộng, vuốt bốn bên cho phẳng, rồi lại lặng yên, tay gãi cằm, tay vớ quản bút, chọc vào lọ mực:

Anh Sửu,

Tôi là người quen thân với cha anh, từ khi thấy anh bị sa vào lưới pháp luật, trong lòng rất thương xót anh. Bởi vậy tôi viết thư này, nhờ lòa chuyển giao cho anh, được các quan dủ lòng thương, không nỡ từ chối cái ân nhỏ mọn ấy. Chắc đến nông nỗi này, anh oán hận cha mẹ anh lắm. Nhưng tôi là người đứng giữa, tôi biết chuyện đầu đuôi, vậy tôi kể rành mạch cho anh nghe, để anh đỡ giận hờn người vô tình đã đầy đọa anh vào cái đời cơ cực.

Nguyên cha mẹ anh không có cái ác tâm ruồng bỏ anh từ khi anh lọt lòng đâu.

Viết đến đây, ông Bõ thở dài, đặt bút xuống, khoanh tay trước ngực, gục mặt, nhắm mắt, như cố nhớ lấy cho kỹ một việc xảy ra đã lâu năm. Một lát, ông cháu nắn cầm bút viết tiếp :

Cha anh là...conn hà dòng dõi.

Ngày cha anh mới hai mươi tuổi, có quen biết một người con gái ở ngoài phố, con một nhà buôn bán. Người con gái ấy đã đẹp, lại nết na, trung hậu. Cha anh

và người ấy yêu nhau, đã hò hẹn ngấm ngầm cùng nhau rằng sau này sẽ trọn đời thành vợ chồng. Rồi người còn gái ấy nhẹ dạ cùng cha anh mà có mang.

Ông Bố cảm động, ngừng tay một lát, đọc lại bức thư, rồi viết :

Ở vào buổi bây giờ, đôi trai gái yêu nhau có thể ngỏ ý cùng cha mẹ để xin cưới nhau được. Nhưng hơn hai mươi năm về trước, không ai công nhận cuộc hôn nhân bằng ái tình bao giờ, nhất là trong các gia đình to lớn như gia đình cha anh, thì quyền cha mẹ càng cao, mà phận làm con phải lấy sự nghe lời làm hiếu.

Tôi thấy một lần cha anh khóc lóc thảm thiết với người con gái ấy. Người này một niềm nếu cuộc hôn-nhân không thành, thì quyết chí quyên-sinh để đỡ nhục cho gia đình

Năm đến mười đo, một hôm cha anh mới đánh liều tạ tội với ông nội anh và xin cưới mẹ anh về làm vợ. Ông nội anh thương tình, cho đi dò xét tính nết mẹ anh về đã sắp bằng lòng, thì ba nội anh

nhất định phá, lấy lẽ rằng con một ông quan không thể lấy được con một nhà dân Cười như thế, sợ người đời mai mỉa.

Thì ra cha mẹ anh sở dĩ không lấy được nhau, chẳng qua chỉ tại sợ dư luận của xã hội khắc nghiệt có thể giết hại bao nhiêu linh hồn rồi!

Viết đến đây, ông Bố nhăn nhó, gập chân xuống gạch, ngồi trầm ngâm một lát:

Nhưng cha anh không phải người bạc tình.

Cha anh cố nắn ni, song bao giờ đàn bà cũng khó tính, hẹp hòi hơn đàn ông, nên bà nội anh phải nọc cha anh ra, đánh một trận thâm tím cả mình mẩy, và bắt cha anh phải thề rằng từ nay không được hé răng xin một nửa câu về cuộc hôn-nhân trái ngược ấy, và sai nhốt cha anh vào buồng, nửa tháng không cho ra ngoài.

Cha anh lo lắng, khóc sưng cả hai mắt, suốt ngày lầm bầm không biết nên xử trí thế nào.

Bỗng, ông Bố cũng hai hàng lã chã.

Ông lấy vạt áo lau mắt, và nhịn thổn thức:

Một buổi buổi tối, cha anh cho tiền tên lính canh và lẻn ra phố than thở với mẹ anh, đã ốm hơn tuần lễ. Hai người đương oán hận trời và kể lể sự tình, thì tên lính chạy ra, báo tin cho cha anh rằng ông nội anh đương tìm. Cha anh sợ hãi, phải về ngay. Nhưng ông nội anh rất nhân từ, khuyên nhủ cha anh nên nghe lời nghiêm huấn. Cha anh thở dài, nói: « Thưa thầy, con chỉ thương người con gái ấy, suốt đời vì con mà nhỡ nhàng ! »

Ông nội anh nghĩ ngợi một lát, rồi đưa cho anh ba trăm bạc, và cho phép cha anh ra phố, dỗ dành mẹ anh nhận lấy món tiền ấy làm kế sinh nhai nuôi con, chứ tình thế bắt buộc, hai người không lấy được nhau, thì hi vọng bao nhiêu là tuyệt vọng bấy nhiêu.

Mẹ anh ấy mới có mang được vài tháng, nên người ngoài chưa ai biết. Mẹ anh không thể làm thế nào được, bèn cầm món tiền, rồi về Hà nội ở cho khuất mắt tới ngày sinh anh.

Mẹ anh làm như vậy, chẳng phải tham tiền, song là vì quá yêu cha anh, muốn cho cha anh được vuông tròn mà giữ tiếng tăm con nhà thế tộc. Cha anh chỉ buồn nỗi rồi đứa bé sinh ra, suốt đời là cửa con hoang. Một đứa con hoang với một đứa con thường, cũng là người cả, cùng làm nên bởi một cuộc chung đụng đủa đôi trai gái, ấy thế mà người đời coi trọng, khinh như một vực, một trời.

Viết đến đây, tôi muốn an ủi anh một lí, là nếu người đời ai cũng nghĩ như tôi, thì việc gì anh bị ai hắt hủi, ghét bỏ!

Thật vậy, đôi trai gái yêu nhau, rồi đẻ con với nhau, thì đứa bé bị người ta ghét bỏ, mà đôi trai gái vị tất đã yêu nhau, xảy ra có con, thì đứa bé ấy được cả gia đình lẫn xã hội yêu chiều. Đứa bé ấy đẻ ra, người ta chẳng dị nghị gì hết, mà sở dĩ người ta không dị nghị là do trước khi cha mẹ nó chung đụng với nhau, người ta đã thắp mấy nén hương, đứng giữa trời lầm bầm với ai những tiếng gì không ai biết. Thế mà đứa trẻ mà người ta gọi là con hoang, thì trước

kia cha mẹ nó đã gắn bó, chỉ nọn thề biển cùng nhau, mà có khi vì hai chữ ái-tình, người ta có thể quên cả tính mệnh, danh dự, của cải lẫn đất nước.

Thôi thì sống ở cái xã-hội gần đỏ, người không gần dở bao giờ cũng phải chịu nhiều nỗi cay đắng nhất.

Ông Bố thở dài, trầm ngâm, rồi viết:

Bầy tháng sau, một hôm cha anh tiếp được thư của mẹ anh báo tin đẻ con trai. Song mẹ anh nghĩ đến thân thế mai sau, thế tất không thể cứ liều-điện dựa con mà lấy được tấm chồng tử tế.

Đó cũng là một vấn đề. Phải, mẹ anh nghĩ rất đúng.

Một người đàn ông có con riêng, có thể lấy vợ tử tế như thường. Nhưng trái lại, đàn bà thì không thế được. Bởi vậy, mẹ anh phải trao trả anh cho cha anh, và hẹn đúng ngày giờ, cha anh đến miếu Âm-Hồn làng Nội mà đem anh về. Mẹ anh lại dặn rằng anh có dấu hiệu riêng, không thể lầm với ai được, là cụt ngón út ở bàn chân phải, và có nốt ruồi ở

trên trán.

Tự nhiên, mấy giọt nước mắt từ má ông Bố chảy xuống giấy. Ông ngừng viết đến năm phút.

Cha anh chẳng ruồng bỏ anh đâu. Vì bà nội anh quá khắc, nên không cho cha anh được nuôi anh, cụ dọa nếu cha anh mang đứa con hoang về thì cụ tự-tử. Bởi vậy, cha anh phải cho tiền một tên đầy tớ, bảo nó đến miếu Âm-Hồn đem anh về, và nhờ nó nuôi hộ ở nhà nó.

Từ đó đến ba năm sau, cha anh chưa có dịp được biết mặt anh, song vẫn gởi tiền cho tên đầy tớ nuôi nấng anh tử tế. Một hôm, nhân một việc, cha anh mới lên đi thăm anh, bấy giờ mới rõ sự gian trá của tên đầy tớ. Chao ôi! Nó thú thực rằng không tìm thấy anh. Mà ở trên bệ miếu Âm-Hồn chỉ có một cái xác trẻ con, ngực bị đập nát bét. Đứa trẻ ấy không phải anh, vì nó soi đèn kỹ, thấy đủ cả năm ngón chân phải, và kỳ cọ kỹ vết mực đỏ đen nhèm trên mặt đứa b

ọn, nó không thấy có nốt ruồi.

Ông Bố lặng một lát, rồi viết :

Thế là cha anh yên trí rằng anh đã chết, mà cái xác trong miếu Âm-Hồn đó tức là anh, vì trời tối nên đầy tớ không nhận kỹ dấu hiệu. Nhưng nay anh còn sống, thì chắc có sự lầm lẫn gì đây. Tôi đoán phỏng chừng, có lẽ tên đầy tớ cha anh không tìm thấy anh, sau một người khác thấy, hoặc trước khi tên đầy tớ đến miếu Âm-Hồn, đã có người đem anh đi mất rồi, mà người này là người có cái xác ngực bẹp kia chăng.

Vậy thì đời anh sở dĩ bị đọa đầy, là do cái xã-hội bất công, quá hà-khắc, áp-chế người ta bằng một thứ luân-lý vô-nhân-đạo, chứ nào có phải tội ở cha mẹ anh, anh không nên oán trách cha mẹ anh làm gì cho oan uổng.

Ông Bố nghiến răng, chọc bút mạnh vào lọ mực :

Thôi, nhưng mà đời anh đã đi lỗi bước này, anh hãy cứ nên tạm chịu lấy. Anh đã chẳng được hưởng sự dưỡng-dục của cha anh, đến nỗi bây giờ thành ra một

kẻ gian ác, hiếp người, cướp của, thì cố nhiên pháp-luật nghiêm trị. Nhưng tội cố hết sức vận động cho anh được nhẹ tội đi vài năm.

Rời khi ở tù ra, anh cầm giấy in đính sau bức thư này, đến nhà Băng lấy năm nghìn đồng bạc về mà sinh nhai. Cha anh cấp cho anh cái vốn ấy, là ý muốn anh sẽ làm ăn lương thiện, cho cha anh khỏi ân hận suốt đời.

Ông Bố đứng dậy, mở tủ lấy một quyển giấp răng cưa, điền mấy chữ vào, rồi xé một mảnh, ghim vào bức thư. Ông ngồi thừ một lúc, nghĩ ngợi, rồi viết nốt:

Sau hết, tôi dặn anh một điều rất cần, là sau này anh đừng tìm cha mẹ anh là ai nữa. Cha anh, tôi không biết tên là gì, nhưng chắc vì nhiều lẽ bắt buộc mà không dám nhận anh đâu. Còn mẹ anh, thì anh càng không nên gặp gỡ, vì sự gặp gỡ sẽ là một sự đau đớn cực-nhục cả mẹ anh lẫn anh.

Viết xong, ông Bố lại trầm ngâm một lát nữa, rồi không còn thêm một ý gì,

ông ký tên loằng ngoằng, và đọc lại bức thư, nét mặt ân hận.

Đọc xong, ông ôm đầu, rồi vịn ghế, lần đi. Đến giường, ông vật mình xuống chiếu, và chắc không chịu nổi những nỗi đau đớn nó giày vò ngấm ngầm ông từ buổi sáng, ông khóc hồng hộc :

— Thị-Hương là mẹ con đấy, con ơi !

Viết năm 1936

SÁCH NÀY IN TẠI
NHÀ IN NAM - MỸ
DO NHÀ ĐỜI MỚI,
62, PHỐ HÀNG CÓT
HÀ-NỘI, XUẤT BẢN

TỦ SÁCH « ĐỜI MỚI »

(Những sách hiện có bán)

Dũng-Kim

Phụ-nữ với gia-đình 4.00

Viên-Đình

Phụ-nữ với hôn-nhân 1.50

Ngô quang-Châu

Luận về tiếng Nam 0.70

Kiều-thanh-Quế

Cuộc tiến hóa văn học Việt-Nam 2.20

Lê-Thanh

Cuộc phỏng vấn các nhà văn 2.80

Lan-Khai

Cái đẹp với nghệ-thuật 1.00

Phan-trần-Chúc

Văn chương quốc âm về thế-kỷ XIX 3.50

Hồi chuông Thiên-Mụ 3.50

Chu-Thiên

Hai cuộc âm-mưu 2.50

Thiếu Sơn

Đời sống tinh thần 3.00

Truyện học-sinh

Con rồng ngủ 0.60

Con ruồi cánh gấm 0.60

Những ngày phiêu lưu 1.00

Cuộc đời sóng gió 0.70

Mồ võ khẩu quyền 0.80

Pho tượng biết đi 0.80

Nguyễn-công-Hoan

Nghịch cảnh 2.50

Lệ-Dung 2.50

Tấm lòng vàng 2.50

Bơ vơ 3.00

Cô làm công 2.00

Lê-văn-Trương

Thằng con trai 2.00

Ba ngày luân lạc 3.60

Phút giao cảm 2.00

Những mái nhà ấm 2.80

Con đường dốc 1.80

Dây oan 2.00

Những người đã sống 2.50

Nhg. kẻ không nghèo 2.50

Cô giáo tỉnh lỵ 2.80

Chặt xích 2.50

Mấy đường tơ khô 3.00

Lá lành lá rách 2.00

Người con nuôi 3.50

Chết trong cõi sống 3.50

Mối thù họ Ngô 3.00

Phạm-cao-Củng

Bọn người vô vọng 1.80

Bùi-xuân-Như

Biệt thự Triều-Hưng 1.00

Trần-đình-Trúc

Tu thân 2.50

Thư từ và ngân-phiếu gửi cho :

NHÀ XUẤT-BẢN ĐỜI MỚI — 62, HÀNG CÓT - HÀ-NỘI